Năm thứ nhất.— Số 13 Thứ sáu, 5 Septembre 1941

TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Anh-hùng với giai-nhân — *Tam-Giơ*
Nguyễn-văn-Thắng — *Nguyễn-Triệu*
Ông Ích-Khiêm — *Nhật-Nham*
Tư-tưởng của R. Tagore — *Nhân-Nghĩa*
« Pháo-đài bay » và phi cơ khu-trục — *Nguyễn-huyền-Tĩnh*
Dạng-bản văn-pháp (V) — *Đào duy-Anh*
Tiểu thuyết « Bà Quận Mỹ » (XII) — *Chu-Thiên*
Hai phép quân-phân điền, thổ... — *Tiên-Đàm*
Nhân việc chính-phủ sẽ mở một trường Cao-đẳng khoa-học... — *Hoa-Bằng*
Phong-dao chia loại và giải nghĩa (II) — *H. B.*
Thổ-nhĩ-Kỳ giữa hai lưỡi kìm Anh Nga và Đức — *Nhật-Nham*
Lòng sương-phụ (chuyện thực) — *Minh-Tuyền*
vân vân

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5$50 — 6 tháng 2$80 — 3 tháng 1$50

Mỗi số 12 xu

TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Nhân việc Chính-phủ sẽ mở tại Hà-nội một trường Cao-đẳng khoa-học...

Đã từ lâu, người mình thiếu hẳn cái khuynh-hướng về khoa học!

Các cụ ta xưa, trải bao thế-kỷ, chỉ hụp lặn trong bể «từ-chương». Khi chưa đỗ, mải-miết theo đuổi văn-chương cử-nghiệp; sau khi đỗ, chỉ tiêu-khiển bằng mấy món văn chơi: thơ ngâm-vịnh, đối, trướng mừng phúng... Kết cục bao-nhiêu công phu đèn sách, bao nhiêu thì-giờ vàng-bạc, phần nhiều cụ chỉ còn để lại cho người sau được tập thơ văn!

Suốt một thế-hệ cũ, ngoài những tác-phẩm như mấy pho sử-ký của các sử-thần lịch đại, bộ *Lịch-triều hiến-chương* của Phan-huy-Chú, cuốn *Phủ-biên tạp lục* và tập *Kiến-văn tiểu-lục*... của Lê-Quí-Đôn là có tính-cách khảo-cứu, có ích-lợi cần-thiết ra, còn tuyền là văn khoa-cử, văn thù-ứng cả!

Có thể nói xưa ta không có khuynh-hướng và hiếu-thượng khoa-học!

●

Thế-hệ mới có cái may-mắn hơn người xưa là được trực-tiếp với văn-hóa tây phương, được hằng ngày sống dưới ánh sáng khoa-học. Nhưng xét đến thực-tế? Lớp tân-học cũng chẳng khác gì các cụ xưa: cũng mắc phải những bịnh «sinh hư-văn», «sinh chuyện phù-phiếm»!

Chứng cớ? Ba Nhân-Nghĩa đã cho tôi cái biểu thống-kê mà bạn đã kê cứu về số sách quốc-văn xuất-bản từ năm 1930 đến 1940:

Trong khoảng mười năm đó, sách xuất-bản của ta đã lên được đến con số đáng kể: 5.907 cuốn. Nhưng trong số đó chỉ có độ 50 cuốn đáng gọi là loại sử-học và văn-học, còn tiểu-thuyết chiếm 1.770, thơ 209, kịch 419 (cộng 2.398 cuốn).

Thế đủ biết những nhà cầm bút bây giờ phần nhiều chỉ thiên về tiểu-thuyết và thơ, kịch! Vậy ta thử thắp đuốc mà tìm xem trong học-giới việt-nam ngày nay đã có mấy ai viết sách cao cấp khoa học?

Đành rằng hiếu-thượng sai-lạc đáng tiếc đó, cá-nhân không thể trốn trách-nhậm được, nhưng mấy cớ sau này cũng là những nguyên-nhân lớn đã đẩy họ làm việc «bỏ gốc, theo ngọn» ấy:

Vì hoàn cảnh gây nên. — Từ gia-đình đến xã-hội, chỗ nào cũng bị bao-phủ trong bầu không-khí «nhân-tuần cẩu-thả», thiếu vẻ «khoa-học-hóa».

Da dĩ, cái hiếu-thượng thiên-lệnh về hư-văn đã hun-đúc người ta ngay từ khi còn trong lòng mẹ, nên cái tính phù-phiếm càng ngày càng phù-phiếm thêm! Tới tức lớn lên, mắt thấy, tai nghe nào ngôi văn-trưởng trong làng, nào địa vị «danh-dự» trong văn-giới, hết thảy mọi mặt đều khuyến-khích người ta đổ xô vào một con đường thiên-trọng hư văn!

Phải, một thi sĩ lãng-mạn qua đời, vậy mà bao bài đối-văn tâng-bốc, bao lễ truy-điệu tán-dương cái «sự-nghiệp» chỉ ngang với một bản đàn êm-tai, một mớ «rô khoan kéo gỗ»...!

Xã-hội đã quá thiên về việc cổ-lệ thơ ca!

Một cuốn tiểu-thuyết «đầu cơ» viết trúng tâm-lý đại đa số trong xã-hội, được nhiều báo lớn tiếng ca-tụng, người ta liền coi tác-giả truyện ấy như một vị «cứu-tinh» có thể cởi gỡ ách-vận và thống-khổ cho dân-chúng! Rất đỗi lắm người tưởng lầm chỉ có nghề viết tiểu-thuyết là một nghề duy-nhất có thể nâng người đời lên bậc bất-tử đáng tôn-sùng!

Xã-hội thật đã quá thiên về mặt khuyến-khích tiểu-thuyết!

Xin đừng hiểu lầm tôi có ý mạt-sát thơ ca hoặc tiểu thuyết đâu, tôi chỉ muốn rằng xã-hội cầm cân «cổ-súy» đừng nên quá chúc về những mặt ấy, nhưng cần phải trọng cả mặt khoa-học nữa.

2) Do tình thế bắt-buộc. — Xứ này tuy đã đụng-chạm với văn-hóa tây-phương ngót một thế-kỷ, nhưng trước kia học tây mới chỉ là học làm côn

việc thông-dịch ; về sau, trình độ học có cao hơn thật song lại quá ham về mặt văn-chương. Rút cục, về thực-tế, vẫn chưa có gì ích lợi lớn cho đất nước !

Vả, lò đúc nhân-tài ở đây hãy còn thiếu-thốn !

Trường Cao-đẳng Đại-học Đông-dương tuy đã lập được ít lâu nay, nhưng mới chỉ có mấy ban như luật-học, y học và bào chế.., chứ ban cao-đẳng khoa-học đến nay nào đã có đâu? Vì thế, dầu ai có chí cầu học về mặt thực dụng, nhưng nếu không tiền sang du-học bên Pháp, cũng khó lòng đạt được nguyện-vọng !

Vì thiếu khoa-học, không kỹ-nghệ-hóa được xứ Đông-dương, nên hiện nay xứ này đã phải chịu một ảnh-hưởng không tốt : Từ khi ngọn lửa tranh-chiến bùng cháy ở Âu-châu, sự vận-tải hàng-hóa từ Chính-quốc sang Đông-dương phải trở-ngại ; nhất là từ sau cuộc đình-chiến, công-nghệ bên Pháp cũng kém sút, nên ở đây khó trông cậy xứ ngoài cung-cấp cho như trước được. Còn Đông-dương? đã không tự-cấp nổi về mặt kỹ-nghệ, mà hàng ngoại-quốc lại khan, lẽ tất-nhiên giá sinh-hoạt phải đắt-đỏ, nhiều vật cần dùng phải túng thiếu !

Thời-thế đã mang lại cho ta một bài học kinh-nghiệm. Thống-chế Petain đương cải tạo lại nước Pháp và Pháp-quốc hải-ngoại.

Ngày 26 Juillet 1941, Chính-phủ Pháp đã ra một đạo sắc-lệnh định sẽ mở tại Hà-nội một trường Cao-đẳng Khoa-học (T. T. số 10, trang 10 đã nói sơ về tin này). Trường Khoa-học này sẽ dạy các khoa hóa học, tự-nhiên-học, vật-lý-học..., và sẽ cấp bằng khoa-học cử-nhân. Nhà trường lại còn lập ra những phòng thí-nghiệm để các giáo-sư, các học-sinh có chỗ nghiên-cứu khoa-học và phương-pháp ứng-dụng những điều đã phát minh.

Như vậy, thanh-niên ta sẽ không phải tốn tiền đi du học ngoại-quốc, cũng được may-mắn dễ-dàng mà thành-tài về khoa-học được.

Vậy, từ nay về sau, ta nên gây lấy khuynh-hướng về khoa-học, tạo thành phong-trào hiếu thượng khoa-học, cũng như ta đã khuynh-hướng và hiếu thượng văn-chương từ xưa đến giờ.

Các bạn thanh-niên ! Bạn có bản-năng, có sở-trường về khoa-học, xin cứ chuyên tâm chú ý về khoa-học, cúc-cung tận tụy cho khoa-học !

Các thi-nhân, các nghệ-sĩ, các tiểu-thuyết-gia ! Các bạn nên lợi-dụng thơ văn hoặc tiểu-thuyết mà giới-thiệu khoa-học, truyền-bá khoa-học, cổ-lệ tán-dương khoa học.

Các vị giáo-sư ở trường-học, các phụ-huynh trong gia-đình ! Xin các ngài hết lòng, hết sức khuyến khích học-sinh và tử-đệ về mặt khoa-học nếu thấy họ có khiếu, có tài, có hứng-thú về môn học ấy.

Các nhà ngôn-luận! Nên hiểu dương, nên kỷ niệm những nhà có công với khoa-học, đã hi sinh cho khoa-học.

Một khi trào lưu sùng-thượng khoa-học đã dàn-dụa lan-tràn, học-giới việt-nam, tôi tin, sẽ rực-rỡ những tia sáng « tinh-hoa », ngạt-ngào những bông thơm « tận thiện, tận mỹ »...

Một xã-hội tiến-hóa, là phải tiến cả mọi phương diện : từ âm nhạc, mỹ-thuật, văn-chương cho đến khoa học..., không một phương-diện nào là không tấn-tới, chứ không phải chỉ riêng tiến một mặt nào thôi. Nếu thiên-trọng hư văn, tất phải sa vào cái nạn « văn nhược ! » Muốn tránh cái nạn « văn nhược » như các cụ ta xưa đã mắc, thanh-niên ta nay cần phải chú-trọng thêm về khoa-học là một lợi-khí duy nhất có thể dắt ta thoát khỏi những cái mơ-mộng viển vông, bắt tay làm những sự-thực cần-thiết.

Tôi mong, từ nay, ở xã-hội ta, khoa-học cũng như văn-chương .., được người ta yêu chuộng tôn thờ với lòng sốt-sắng, thành-thực.

HOA BẰNG

...Cần nên gây ngay lại khuynh hướng và hiếu-thượng trong học giới việt-nam : trọng khoa - học

Anh-hùng với dai-nhân

Quang - Trung và Ngọc - Hân Công - Chúa

Tam-Gia

Tưởng phong-thái, xót-xa đòi đoạn,
Mặt rồng sao cách diễn lâu nay ?
Có ai chốn ấy về đây ?
Nguồn cơn xin ngỏ cho hay được dành...
(Ai-tự-văn)

I

NĂM ấy là năm Bính-ngọ (1786), tiết tháng sáu.

Ngày mồng sáu, Nguyễn-Huệ tiến đến bến Vị-hoàng, sai người mang mật-tấu dâng vua Hiển-Tôn nhà Lê để tỏ rõ ý tôn-phùng. Nhưng nhà vua cũng chẳng yên lòng ; nhân-dân kẻ-chợ lại càng không yên lòng hơn nữa. Thế là một luồng gió kinh-khủng thổi rít khắp phố-phường ; người ta thi nhau chạy trước, lếch-thếch mang theo nào hòm, nào đẫy, nào tay nải, không còn trật-tự gì. Ngoài một số ít người hoặc vì nhiều của quá tiếc không muốn dời, hoặc vì không có của liều ở lại, đất Tràng-an chỉ còn những người mắc việc quan.

Ngày hai mươi sáu,

Quân kiêu-binh, còn anh nào, cũng cố lách đám đông để ra ngoại ô. Vua Hiển-Tôn đang phải cảm ; nằm trên sập rồng, giữa các hoàng-tử và hoàng-thân hoảng-hốt, ngoài cũng chẳng bình-tĩnh hơn. Thành đã vỡ. Tiếng reo-hò vang trời, lính Tây-sơn vào thành. Vua vẫn nơm-nớp. Chợt quanh ngoài tường, kia, lố-nhố không biết bao nhiêu mũ đỏ. Lính Tây-sơn đã vào đến trong. Các hoàng-tử cùng các hoàng-thân toan vực vua dậy để ra vườn sau đi trốn. Một tì-tướng mũ đỏ bước vào. Mấy mọi người đông đặc lại. Nhưng viên tì-tướng kính-cẩn dâng tờ tâu của Nguyễn-Huệ đó thôi. Nguyễn-Huệ chỉ nói cho người đến thỉnh-an và xin đến mai vào hầu. Không sử sách nào chép, nhưng xem xong, vua hẳn thở dài một cái khoan-khoái, mà có lẽ trong chốc-lát bệnh lui đi được nhiều.

Hôm sau Huệ vào hầu vua ở đền Vạn-thọ, có Nguyễn-hữu-Trỉnh đi theo. Vua mở màn mời Nguyễn-Huệ vào gần sập. Huệ làm lễ : năm lạy, ba vái. Vua sai hoàng-tử dắt Huệ ra mời ngồi riêng một sập bên cạnh sập rồng, nhưng Huệ khiêm-tốn không dám ngồi ; mãi tới khi vua dụ đôi ba lần, mới đến ngồi buông chân một bên. Vua bấy giờ đã bảy mươi tuổi, lại thêm lo nghĩ quốc-chính, phần vì mình rồng mỏi mệt, nên yếu lắm, se-sẽ cất tiếng ôn-tồn phủ-dụ. Huệ đứng dậy thưa cái bản-ý diệt Trịnh phù Lê của mình.

Vua lấy làm yên lòng, truyền pha chè uống rồi cùng Huệ đàm-đạo một lúc lâu, ngỏ ý muốn lưu Huệ lại giúp. Huệ nhận lời, đoạn lạy hai lạy xin lui. Trỉnh theo ra.

Sau Nguyễn-hữu-Trỉnh nói với Nguyễn-Huệ rằng :

— Minh-công lại đây, cốt giúp vua Lê cho nhất-thống ; thần-dân ai cũng tưởng vậy. Nhưng gọi là nhất-thống, tất phải quyền-chính do tự Hoàng-thượng mới là thực-sự. Vậy nên chọn ngày làm lễ đại-triều đủ mặt trăm quan, Minh-công nói bộc-bạch cho thiên-hạ biết, mới là chính-đạo.

Huệ cho là phải, nghe theo.

Ngày tốt là ngày mồng bảy, tháng bảy. Hoàng-thượng khai chầu ở điện Kính-thiên, trăm quan vào chầu. Nguyễn-Huệ đem tướng-sĩ tự cửa Đoan-môn đi vào, lạy năm lạy rồi tâu công việc diệt Trịnh, dâng sổ sách quân, dân, xin cắt quan ra quản-trị. Bãi triều rồi, Hoàng-thượng sai trăm quan tiễn Huệ ra ngoài cửa mới thôi.

Hôm sau, Hoàng-thượng phong cho Huệ làm Nguyên-súy, Phù-chính dực-vận Uy-quốc-công.

Nguyễn-Huệ chịu phong, sai sứ vào điện tạ ơn nhà vua, rồi bảo Nguyễn-hữu-Trỉnh :

— Ta đem mấy vạn quân, đánh một trận định được Bắc-hà, một thước đất, một tên dân đều là của ta, nếu ta xưng đế, xưng vương, làm gì chẳng được. Thế mà ta nhường đi, là xử hậu-tình với nhà Lê lắm. Còn như Nguyên-súy Quốc-công thì có ích gì với ta ! Dễ thường Triều-đình Bắc-hà định lấy quan-tước mà buộc ta chăng ? Nếu ta không chịu thì sợ Hoàng-thượng bảo ta là kiêu ; chịu mà không nói thì lại sợ người ta cho là mường-mọi ; cho nên ta nói chuyện lại với ngươi.

Cử-chỉ thật là đầy trung-hậu, đầy truân-thành ; ngôn-ngữ thật không thiếu lễ-độ, không thiếu khôn-ngoan. Nhưng Nguyễn-hữu-Trỉnh cho là Nguyễn-Huệ không bằng lòng, bèn thác lời vua Hiển-Tôn mà rằng :

— Tôi nghe Hoàng-thượng có nói : Nhà trẫm kiệm-bạc lắm, không lấy gì tặng cho Thượng-công được. Vẫn biết danh-tước nhỏ, có quí gì đâu ! Chỉ vì tục nước, trọng lễ, gọi là để kính cái bụng thành của Thượng-công mà thôi. Vả lại, ý Hoàng-thượng cũng nghĩ rằng tuổi đã già-cả, sợ khi Thượng-công về rồi, không nhờ-cậy vào ai được, nên có ý muốn kết thân với Minh-công, nhưng chưa dám nói rõ vì không biết ý Minh-công thế nào.

Nguyễn-Huệ bấy giờ đã có vợ rồi. Vợ là gái họ Phạm, quê ở Qui-nhơn, vốn chị em cùng mẹ khác cha với Bùi-đắc-Tuyên và Bùi-văn-Viết. Khi ấy, con lớn Nguyễn-Huệ đã bốn tuổi. Nhưng đến bây giờ, người ta còn ca-tụng chế-độ đa-thê, huống thời ấy ? Vả lại, Nguyễn-Huệ đang cái tuổi ba mươi tư, hẳn cho việc

Xem tiếp trang 23

ÔNG - ÍCH - KHIÊM

Nhật-Nham

ÔNG-ÍCH-KHIÊM là người Thanh-hóa, đỗ hương-cống, làm quan dưới triều Tự-Đức đến chức Thượng-tướng. Sự-nghiệp anh-hùng còn trường thọ với non sông.

Ôm cái trọng-trách tiễu phủ-sứ, tướng-quân đã từng có nhiều chiến-công oanh-liệt trên giải đất Bắc-kỳ. Bao phen đông chinh tây phạt, tướng-quân đã cứu đồng-bào khỏi vòng nước lửa. Xưa kia, trong những vùng mờ-mịt khói sài, công ơn quan Tiễu còn ghi trong ký-ức quần chúng.

Dưới triều Tự-Đức, giặc-giã nổi lên như ong, mà nhất là Bắc-kỳ luôn luôn làm nơi tung-hoành của quân chọc trời quay nước. Vì Bắc-kỳ là đất của nhà Lê cũ, nhân-dân còn nhiều người tưởng nhớ đến tiền-triều, cho nên những người muốn làm loạn, thường tự nhận là dòng-dõi nhà Lê, tôn làm minh-chủ để lấy cớ khởi sự.

Lại gặp lúc bên Tàu có giặc Thái-bình nổi lên chống nhà Thanh, bị thất-bại, dư đảng tràn sang Bắc-kỳ, cướp phá, quấy nhiễu: nhân gian nhiều nỗi lầm-than!

Nào giặc Tầu, nào giặc ta, quan quân phải luôn luôn đánh giẹp, nếm trải bao nỗi nguy-hiểm gian-lao.

Năm Tân-Dậu (1861), tên Tạ-văn-Phụng mạo xưng là Lê-duy-Minh, dòng dõi nhà Lê, tự tôn làm Minh-chủ, dấy binh ở Quảng Yên, đem giặc khách ở ngoài bể vào đánh lấy phủ Hải-Ninh, rồi thông với giặc Tàu và giặc ta ở các tỉnh, quấy nhiễu các nơi. Quan-quân đi đánh, nhiều người bị hại.

Năm Quý-hợi (1863), quân giặc họp 500 chiếc thuyền ở đảo Cát-bà và ở núi Đồ-sơn, có ý muốn vào đánh đất Kinh-kỳ, nhưng chẳng may gặp bão, thuyền đắm rất nhiều. Quan quân ra đánh, bị giặc đánh tập hậu, phải bỏ chạy.

Tháng 6 năm sau (1864), quan Hiệp-Thông Trương-quốc-Dụng, quan Tán-Lý Văn-đức-Khuê, quan Tán-Tương Trần-huy-Sách và quan Chưởng-vệ Hồ-Thiện đánh giặc ở Quảng-yên bị giặc giết mất cả, quan quân thua to, quân-sĩ thiệt-hại rất nhiều.

Tháng tư năm Ất-sửu (1865), quân giặc về cướp mạn Hải-Dương. Quan Tổng-thống Hải-an quân vụ Nguyễn-tri-Phương đón đánh, bắt và chém được rất nhiều. Ông Ích-Khiêm, khi đó, làm đốc-binh dưới trướng Nguyễn-tri-Phương, phá được quân giặc hơn mười trận. Giặc phải lui về giữ mặt Hải-ninh.

Tháng bảy năm ấy, Ông Ích-Khiêm cùng Đặng-trần-Chuyên đem binh ra Quảng-yên, ước với quan nhà Thanh ở Khâm-Châu để đánh lấy lại thành Hải-ninh. Quân giặc thua to, chạy ra bể; quan quân đuổi theo, bắt được rất nhiều. Tên Phụng, tên Lược chạy mãi vào Quảng bình, Quảng Trị mới bị bắt đem về Huế trị tội.

Đến đây giặc Phụng bình.

Từ năm Kỷ-dậu (1849), ở Quảng-tây có tên Hồng-tú-Toàn cùng đồ-đảng nổi lên xưng là Thái-bình Thiên-Quốc, đánh phá các nơi. Triều đình Mãn-Thanh phải thiên đô đi nơi khác, ngai vàng của nhà Thanh sắp xụp đổ! May nhờ có bọn Tăng-quốc-Phiên, Tả-tôn-Đường và Lý-hồng Chương hết sức đánh dẹp, nên nhà Thanh lại thu-phục được giang-sơn. Hồng-tú-Toàn phải uống thuốc độc tự-tử, các tướng Thái-bình đều bị bắt.

Dư đảng của Hồng-tú-Toàn là bọn Ngô-Côn chạy sang nước ta: Trước còn xin hàng, sau đem quân đi tàn phá các tỉnh. Quan quân dẹp mãi không yên.

Năm Mậu-thìn (1868), Ngô-Côn chiếm đất Cao-bằng làm sào huyệt. Triều-đình sai quan Tổng-Đốc Phạm-chi-Hương viết thư cho quan nhà Thanh xin quân Tàu sang tiễu trừ. Nhà Thanh sai phó-tướng Tạ-kế Quý đem quân sang giúp. Quan Tiễu-phủ Ông Ích-Khiêm và quan Đề-đốc Nguyễn-văn-Thành hợp cùng quân Tàu đánh phá quân Ngô Côn ở Thất-Khê.

NHẬT NHAM

(còn nữa)

AI MUỐN BIẾT RÕ

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

Bán ở nhà in «Du Nord» 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p 50 — Bản quốc âm 2p 50.

Một nhà đại-văn-hào Ấn-độ vừa tạ-thế

RABINDRANATH TAGORE (1861 — 1941)

NHÂN-NGHĨA

III Tư - Tưởng

TAGORE là một nhà đại - văn - hào : cái đó đã dĩ nhiên. Tiên-sinh còn là một nhà đại-tư-tưởng.

Những thi-ca của tiên-sinh tràn đầy những tư-tưởng về tôn-giáo, về vũ trụ, về đời người. Nhưng những tư-tưởng này có vẻ cao-xa huyền-bí hay thâm trầm khuất - khúc có lẽ diễn thuật ra đây cũng không được nhiều hứng thú lắm.

Tốt hơn là ta nên biết những tư-tưởng của tiên-sinh về sự giáo-dục, về văn-minh đông-tây.

●

Chúng ta hẳn cũng đã biết ít nhiều những lý-thuyết của Montaigne, của Rousseau về sự giáo-dục, dựa vào thiên nhiên, nhiều hơn là vào sách vở học-đường.

Tagore cũng có lý - thuyết tương-tự như vậy gồm trong một bài diễn-thuyết dầu đề là *« Mon Ecole »* có in trong cuốn *« Personnalité »* (1). Tiên-sinh đã thực hành những lý-thuyết ấy bằng cách tự sáng lập và quản đốc ở làng (2) Bolpur gần Calcutta một học-viện, kêu là « Santiniketan » (3) nghĩa là « Hoà-bình viện ». Mấy chữ này đã bao gồm hết cả cái chủ-nghĩa « thế giới hoà-bình » mà tiên-sinh hằng phụng-thờ tin-tưởng. Nhưng chính học-viện « Santiniketan » là nơi để tiên-sinh thí-nghiệm và thực hành những tư-tưởng của tiên sinh về sự giáo-dục.

Ở đây, những trẻ con phải làm những gì ? Rất chú trọng về những môn vận-động, những môn mà tự nhiên bản tính và tạng phủ trẻ nó đòi hỏi. Tiên-sinh để cho trẻ thả hồ leo trèo lên cành cây. Bàn chân là những khí-cụ rất tốt để đi trên mặt đất : tại sao lại đem bó chặt nó vào giầy dép, để cho đứa trẻ không được hưởng cái thú đi đất ? Vì những sự bó buộc ấy mà đứa trẻ nhà giầu sống trong một thế-giới không thiết thực bằng đứa trẻ nhà nghèo.

Không có văn-phạm, không có địa-dư gì cả ; nhà thi-sĩ, giống như Rousseau, có ác-cảm với đại-đề các thứ sách. Tiên-sinh nói : *« Trẻ con phải được học một ông thầy sống hiền nhiên ; sách vở ngăn-cản mất thiên nhiên ; nó tức là một tấm da mà sự thực không thể chui qua được ; nó tức là một thành-trì chắn lấy đời thực ! »*

Tuy vậy, không phải tiên-sinh ruồng bỏ hết các thứ sách : người ta vẫn có thể đọc cho học-sinh một đoạn văn của Browning hay Shakespeare, nhưng chính ông thầy phải đọc và nói làm sao cho họ hiểu cái hay, cái thú vị của đoạn văn ấy, chứ đừng để cho họ dùng những sách có sẵn những lời diễn-giảng phê bình.

Tiên-sinh lại để cho học-trò trong trường mình được dự một phần vào sự sáng tác những văn phẩm của tiên sinh. Chính cuốn « Gitanjali » đã viết ngay trong trường, trước mặt học trò ; vả lại, phần nhiều những kịch bản của tiên-sinh, cứ thầy viết ra đến đâu, thì trò ngâm nga cùng đọc đến đấy.

Những trò nhỏ trong trường thì chia ra làm ba bọn, mà bọn bé nhất chính là bọn « hay » nhất : chúng cũng hội họp bầu-tình, chúng cũng xuất bản một tờ báo có tranh ảnh, chúng tự cai trị lẫn nhau.

Chủ-trương của tiên-sinh về sự giáo-dục còn nhiều điều nữa, nhưng đại - đề những khoản quan-trọng thì đã tóm tắt như trên này. (4)

●

Muốn hiểu quan - niệm của Tagore về văn-hóa đông-tây, thì trước hết phải đọc quyển *« Nationalisme »* của tiên-sinh. Trong đó, tiên-sinh thu nhặt mấy bài diễn-thuyết mà tiên-sinh đã đọc ở Mỹ và Nhật (bản dịch ra pháp văn in năm 1925). Sách chia làm ba phần : 1°) chủ-nghĩa quốc-gia ở Tây-phương ; 2°) chủ nghĩa quốc gia ở Nhật bản ; 3°) chủ-nghĩa quốc-gia ở Ấn-độ.

Tiên-sinh đã phác-họa cái văn-minh Âu-châu đại khái như sau này :

1) *Văn-minh ấy là sự tranh-đấu của Người với Tạo-hóa* — Người cố sức tìm cách chinh-phục Tạo-hóa; Người phát-minh ra khoa-học rồi đem thực-hành khoa-học mà chế ra máy móc. Vì máy móc, mà Âu-châu nghiễm nhiên làm bá-chủ hoàn-cầu. Nhưng cũng vì máy móc mà Âu-châu đến nỗi sinh ra đâm chém giết hại nhau.

2) *Văn-minh ấy bao hàm một chủ-nghĩa quốc-gia tuyệt-đối.* — Ở Âu châu, chủ-nghĩa quốc-gia được tôn sùng một cách triệt để; một con sông, một ngọn núi cũng đủ chia rẽ những dân-tộc đáng lẽ phải quây quần yêu mến nhau. Còn chủ-nghĩa quốc-gia hẹp hòi ấy thì còn có chiến-tranh; còn có chiến-tranh thì còn có nước phải diệt-vong.

3) *Văn-minh ấy xu-hướng theo chế-độ « tư-bản chuyên-chế »* (tyrannie capitaliste). — Vì thế có những chuyện lao-tư xung-đột.

Tóm lại, tiên-sinh có ý chê bai bất-phục văn-minh Âu-châu như vậy đó.

●

Nhưng theo ý riêng tôi, mấy bài diễn-thuyết thu nhặt thành sách ấy chưa thú vị bằng một bài khác mà tiên-sinh đọc ở Paris, khi sang du lịch Âu-châu vào năm 1921. Bài ấy đầu đề là « *Le Message de l'Orient* » (lời tuyên-cáo của Đông-phương) đăng trong tạp-chí « *La vie des Peuples* » (5), đại khái có thể chia ra mấy đoạn sau này :

1) *Sự đụng chạm của Tây-phương với Đông-phương.* — Tây-phương đã đem đến những gì cho Đông-phương? « Sự người Âu-tây sang ở Đông-phương ngày nay là một sự dĩ-nhiên. Người Đông-phương chúng tôi nhờ sự gần gụi đó mà có được lợi ích gì là nhờ cái nhân-đạo của Tây-phương. Chứ đem pháp-luật sang, đem chính-trị, võ bị sang, cũng chưa đủ. Người ta còn cao hơn cả những cái đó ».

Tagore cô g-kích cái thuyết của Rudyard Kipling. « Chúng ta nghĩ đến thế thời hiểu ngay rằng nhà thi-nhân Tây kia thấy Tây phương với Đông phương cách-biệt nhau mà nói rằng « Đông là Đông, Tây là Tây, hai bên đó không bao giờ gặp nhau », là chưa nghĩ chín. Vẫn biết rằng hiện nay Đông phương với Tây phương chưa sẵn lòng gặp nhau thôi. Nhưng lẽ đó là bởi Tây phương từ xưa đến nay chưa từng cho ta cái nhân-đạo của Tây-phương bao giờ; mới cho ta cái máy móc mà thôi. Cho nên câu nói của nhà thi-nhân kia nên sửa lại thế này mới phải : « Người là người, máy là máy, hai cái đó không bao giờ hợp nhau ».

2) *Công-kích chủ-nghĩa máy móc.* — Tagore lấy tỉnh Calcutta của tiên-sinh làm thí dụ. Mới hồi nào, ở chỗ đó, chỉ có một giải tràng-giang uy-nghi lẫm liệt, thế mà nay, hai bên bờ sông nhan-nhản những nhà máy làm bị gai Tiên-sinh công kích sự kỹ-nghệ-hóa, sự cơ-khí-hóa ấy.

3) *Lý-tưởng tự-do ở Tây-phương đã kém sút.* — Tagore kể lại những cái mắt thấy trong khi đi du-lịch Âu châu, để chứng-thực điều đó.

4) *Sức mạnh vô-hình của kẻ yếu* — Tây-phương chỉ biết có dục-vọng đế-quốc; nhưng « Tây-phương không hiểu rằng nhờ khoa-học mà có cái sức mạnh vô-cùng, cũng bị khoa học cám-dỗ đến tự mình hại mình, ra quyết đấu với những kẻ yếu hèn, không biết rằng những kẻ ấy đã có Thượng-đế ám-trợ vậy ».

Đấy, đại-khái « lời tuyên cáo » của Tagore như vậy. Đối với những lời buộc tội khắt-khe ấy, lẽ nào Tây-phương im lặng? Vì thế mà có bài « *Lời đáp lại của Tây phương* » của bác-sĩ Maurice Croiset, giáo-sư trường đại-học Paris, cũng đăng trong tạp-chí « *La Vie des Peuples* ». (5)

Ông Maurice Croiset lên tiếng bênh-vực Tây-phương như thế này :

1) Tây-phương đã có công-lao to-tát với nhân loại là : trừ bỏ cái tục súc-nô (esclavage).

2) Máy-móc không phải là đáng công-kích. Một thí-dụ : ở Nam-Mỹ, nhờ có máy làm bông, nên mới bỏ được sự dùng bọn hắc-nô trong công việc làm bông.

3) Tây-phương còn có một lý-tưởng lớn-lao : lý-tưởng nhân-loại bình-đẳng.

4) Tây-phương hăng-hái tìm đường học-vấn, nhiệt-thành tìm tòi sự thực.

5) Còn về sự Tây-phương đi chinh-phục những nước kém yếu, cũng là do cái luật thiên-

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

« Mỗi chức-nghiệp, mỗi nghề, « sẽ có một phái thượng-lưu. « Ta sẽ hết sức khuyến-khích « sự đào-tạo các phái ấy trong « phạm-vi từng địa-phương « một ».

nhiên của Tạo-hóa : người ta cần phải lợi-dụng những tài-sản thiên-nhiên của tạo-vật, ở đâu có thì phải biết lợi-dụng, không nên bỏ phí.

●

Tagore « tuyên-cáo » với Tây phương, rồi giáo sư Maurice Croiset « đáp lại » : đấy là chuyện xảy ra từ năm 1921.

Đến năm 1934, đến lượt Tây-phương lên tiếng rồi Tagore đáp lại.

Tôi muốn nói đến quyển « *Civilisations* » do Hội Vạn quốc xuất-bản năm 1935. Quyển ấy chia làm hai phần : phần thứ nhất, dưới đầu đề « Orient Occident », có in bức thư ngày 17 Aout 1934 của ông Gilbert Murray, giáo-sư trường đại-học Oxford (ở nước Anh) gửi cho Tagore và bức thư tiên-sinh đáp lại ngày 16 Septembre 1934. Còn phần thứ hai, dưới đầu đề « Génie du Nord-Latinité » cũng có hai bức thư trao đổi giữa hai ông Josef Strzygowski và Henri Focillon.

Bức thư của giáo-sư Gilbert Murray, lời lẽ rất hay và cảm-động, vừa bênh vực khéo-léo chủ-nghĩa cơ-khí, vừa ca-tụng văn tài lỗi-lạc của tiên-sinh, kêu gọi tiên-sinh cùng hợp-tác với các nhà đại-tư-tưởng, đại-văn gia, đại-bác-học trên thế-giới để phụng-sự nhân-loại, không kể đến sự phân-chia chủng-tộc, quốc-gia, giống-nòi. Tagore đáp lại một cách thống thiết, đại-khái nói rằng tiên-sinh cũng muốn hưởng-ứng lời kêu-gọi ấy, ngặt vì xưa nay Đông phương vẫn phải nhìn Tây-phương bằng con mắt nơm-nớp lo sợ, v.v....

●

Ngày nay Tagore tiên-sinh đã mất, chúng tôi chỉ lấy tư-cách « khảo-cứu » mà thuật lại một phần nhỏ trong tư-tưởng của tiên-sinh, không dám và cũng không đủ tư-cách phê-phán phẩm-bình gì.

Tuy vậy chúng tôi cũng muốn kể lại câu chuyện dưới đây, để chấm hết cho thiên khảo cứu này :

Năm 1924 Tagore sang du-lịch Trung hoa, có đến diễn thuyết ở Bắc-bình. Lần diễn thuyết thứ nhất, không xảy ra chuyện gì cả. Đến lần sau thì thấy truyền đơn phát tứ tung, công kích thuyết phản đối cơ-khí của Tagore, đại khái nói rằng : chính vì chủ-nghĩa cơ-khí mà Tây phương phú cường như thế; chính vì không biết sức mạnh của cơ-khí, nên Trung-hoa mới điêu đứng như ngày nay. Vậy thì công-kích cơ-khí là câu chuyện bất-hợp-thời, v. v...

Sau đó mấy ngày, Tagore tiên-sinh đi Thượng-hải, xuống tầu về thẳng Ấn-độ, không ghé lại Đông-dương như đã định trước. Mãi đến năm 1929, tiên-sinh mới lại có dịp đến thăm nước ta.

NHÂN-NGHĨA

(1) « Nam-phong » (Juillet-Septembre-Octobre 1924) có lục đăng bản Pháp-văn và dịch ra quốc-văn.

(2) Trong bài « Tiểu-sử Tagore » viết nhầm là « tỉnh Bolpur ».

(3) Có chỗ chép là « Santhanikethanam » (như cuốn sách nhỏ xuất-bản ở Saigon năm 1924).

(4) Về học-đường Santiniketan, xem thêm bài diễn thuyết của ông Sylvain Lévi ở Hội Địa-dư Paris, có lục-đăng và dịch ra quốc văn trong Nam-phong (Janvier-Juin 1925).

(5) « Nam-phong » đã dịch ra quốc văn (Juin 1924)

CÁC BẠN NÊN ĐỌC

đời tài hoa

Tập lịch-sử ly kỳ nhất của cụ Thủ-khoa Nguyễn-Hàm-Ninh bạn đồng bệnh của ông Cao-Bá-Quát

do ông NGUYỄN-VĂN-ĐỀ *soạn*

ông DƯƠNG-TỤ-QUÁN *duyệt*

Trong sách chia làm 5 mục : *lịch-sử cụ, tác-phẩm cụ, chuyện cụ với ông Cao-Bá-Quát, ông Tùng-Thiện-Vương với cụ, cụ với các bà chúa Thường-Sơn, Lại-Đức.* Dưới sách in tự tích cụ, có lẫn chữ ông Cao-Bá-Quát, ông Tùng-Thiện-Vương.

Giá 0p.35 — Bán ở hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông Hanoi (mua 1 quyển giả bằng tem cũng được, nhớ thêm tiền cước thường 0p 06)

Số 2

PHONG-ĐAO

Chia loại và giải nghĩa

HOA-BẰNG

Trong bảng chia loại phong-đao đã đăng ở Tri-Tân số 3, tôi đặt chương « Nông-dân với kinh-tế » *lên đầu, nhưng nay vì một cớ riêng, chưa thể đi theo cái bố-cục đã vạch sẵn ấy được.*

Nay xin đổi lại thứ-tự, « đầy » chương « Nông-dân với nhân-sinh triết-học » *đi trước, rồi cho ra mắt các bạn dần dần.*

Trong khi viết tiếp, tôi cứ tùy nghi mà thêm, bớt hoặc sửa đổi lại cái bảng chia loại ấy cho được thích-hợp hơn, chứ không câu-nệ buộc phải theo đúng bố-cục trước. Mong rằng các bạn đọc thân yêu, hễ thấy chỗ nào khuyết điểm, xin cứ làm ơn chỉ-giáo cho.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Nông-dân với nhân-sinh triết-học

Tiết một

LUÂN-LÝ ĐỐI VỚI BẢN THÂN

SIÊNG-NĂNG

Đức-tính siêng-năng của nông-dân thật đã tỏ rõ ở trong công-việc đồng-áng Với hai bàn tay lúc nào cũng thường lấm, trong họ có những sinh-sản-lực đáng qui-báu, đáng biểu-dương.

Ngoài việc nông tang, chài lưới, bọ cũng không sao-nhãng những bổn-phận đối với bản-thân, đối với gia-đình, đối với xã-hội.

Thân em như lá đài-bi,
Ngày thì dãi nắng, đêm thì dầm sương.

Với tấm thân cứng-cáp, rắn-rỏi, chịu-đựng và nhẫn-nại ấy, họ cứ hăng-hái làm việc dưới sức bức-bách dọa-nạt của nắng đốt thịt, sương cắt da. Vì họ nghĩ :

Có khó mới có miếng ăn,
Ngồi dưng ai dễ mang phần đến cho ?

Phải, chúng ta « phải làm đổ mồ hôi trán mới có cái ăn », chứ giữ tính ỷ-lại, ngồi gửi hi-vọng vào « gốc cây sung » thì chẳng những không thể kiếm được miếng ăn trong sự ưa may hú-họa, mà lại mang tiếng là lười biếng, là ngu-xuẩn nữa.

Muốn cho được việc trong khi có dịp thuận tiện đưa đến, người ta cần phải lo xa một chút, dự-bị sẵn-sàng. Như vậy đối với những việc thình-lình xảy tới, mình cũng có đủ cách ứng-phó, không đến nỗi bối-rối, nhỡ-nhàng. Người siêng-năng có con mắt nhìn xa, thấy trước ấy có thể mát-mẻ những kẻ không biết dự-bị làm việc :

Ngồi rồi, sao chẳng se gai,
Đến khi có cá, mượn chài, ai cho ?

Đã lo xa, đã dự-bị tiến-thủ, thì dẫn :

Một mình vừa chống, vừa chèo,
Không ai tát nước đỡ chèo một khi,

Người siêng-năng bao giờ cũng cứ hăng-hái làm việc, không tị-nạnh với ai, không trông cậy vào lưng ai, nên rồi cũng thành công, hái được kết quả tốt đẹp :

Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Những nhân-vật có đức-tính tốt ấy, tôi xin giới thiệu vào mục « *siêng-năng* » này.

●

Chồng chài, vợ lưới, con câu,
Sông Ngô, bể Sở, biết đâu là nhà !

Thế phú. Đó là tả một gia-đình ngư-ông, cha con vợ chồng đồng lao, cộng tác trong nghề chài lưới.

« Chài lưới » và « câu » đây đều là ba tiếng động-từ. Đánh cá bằng cái lưới hoặc cái giùng (thứ lưới to) gọi là *chài lưới*. Kiếm cá bằng lưỡi câu, giây cước và cái cần gọi là *câu*. Trong công việc kiếm cá, duy có *câu* là nhẹ-nhàng và dễ làm hơn : dù trẻ bé cũng có thể câu cá được.

Xem thế đủ biết, khi chia việc, người ta đã theo cái tỉ-lệ mà phân-phối cho từng người khiến ai nấy tùy theo sở-năng mà làm hết phận-sự.

Một gia-đình nhà chài kiếm ăn trên mặt sông bể, nay đây mai đó, lênh-đênh trước gió, dưới mây, còn có nhất-định lấy đâu làm nhà nữa ?

●

Trời mưa Trời gió ! long tong
Cha con ông Sùng đi gánh phân trâu
Đem về trồng bí, trồng bầu,
Trồng hoa, trồng quả, trồng trầu, trồng cau ..

Thế phú. Đó là bức tranh tả chân cái cảnh cần-lao chăm chỉ của một gia-đình nông-phu, chủ-nhân tên là Sùng, đang hăng-hái làm phận-sự

Nước ta xưa, lấy nghề nông làm căn-bản. Nông vẫn có thể tự hào mà nói với sĩ rằng : « *Hết gạo, chạy rông : nhất nông, nhì sĩ !* »

Phải, *nông* đáng *nhất* thật, trời đang mưa ào ào, gió đang thổi dào-dào, thế mà ông Sùng — một người tiêu-biểu của nhà nông — long-tong, tất-tả cùng con xông-pha mưa gió, đi gánh phân trâu đem về làm đồ bón cho hoa màu, cho vườn ruộng. Trước tấm nhiệt-thành tận tụy

với thiên-chức ấy, ai chẳng cảm động, tôn-sùng ?

« Bầu, bí » đều là những thứ dùng làm đồ ăn

Phong-dao thường có những câu nói về bầu, bí như :

Cắt giây bầu, giây bí,
Chứ ai cắt giây chị, giây em ?

Và :

Bầu gia thì vứt xuống ao,
Bí già đóng cửa làm cao lấy tiền.

Lại như :

Bầu ơi ! thương lấy bí cùng :
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

●

Ai đem em đến chốn này ?
Thức khuya, dậy sớm, mắt cay như gừng !

Thề phú. Phong-nhân tả một bạn gái đi lam dâu hoặc « bị đày » vào một gia-đình cay-nghiệt nào, vì phải làm-lụng nhiều, vất-vả quá, lúc nào cũng « đói » ngủ đến nỗi « em » thường cay mắt, như ăn phải gừng cay !

Nếu là người chủ-động tự than, thì hai câu ấy có ý oán-trách kẻ đã đặt mình vào cảnh-ngộ « giấm chua lửa nồng » ấy khiến mình phải vất-vả, khó-nhọc, khổ-sở như thế này...

Nếu là người ngoài thấy cảnh một « em » phải thức khuya, phải dậy sớm, phải mắt cay đó mà phát ra mấy câu trên, thì là những lời cảm cảnh và phàn-nàn cho số-phận người vất-vả ấy !...

●

Ngày ngày hai bữa cơm đèn !
Còn gì má phấn, răng đen, hỡi chàng ?

Thề phú. Đấy là lời một thiếu-phụ nghèo phải lăn-lộn làm ăn, không chăm giữ được sắc đẹp lên tiếng than-vãn cùng chồng.

Xưa, phụ-nữ ta lấy hàm răng đen nhánh làm đẹp, nên các cô lớp trước thường tỏ nguyện-vọng trong những câu : « *Lấy chồng cho đáng tấm chồng, bõ công trang-điểm má hồng, răng đen* ». Mà quan-niệm của phái mạnh xưa đối với sắc đẹp cũng khác bây giờ. Các cụ ông xưa vẫn cho bộ « răng đen » là tiêu-biểu cái đẹp của đàn-bà việt-nam, nên các cụ mới « cảm » trước vẻ nên thơ của cái đẹp ấy : «... *Bốn thương răng nhuộm hạt huyền kém thua* ».

Vì xưa đã lấy « răng đen » làm tiêu-biểu cho cái đẹp của đàn-bà, nên trong hai câu trên, người thiếu-phụ cũng « phân-bua » và « phàn-nàn » cùng chồng :

— Chàng ơi, em đây hết ngày này qua ngày khác, sáng nào cũng phải dậy từ gà gáy, đêm đến, hết trống canh một mới về đến nhà, rồi mười bữa như cả một chục, em cứ phải ăn cơm dưới ánh đèn mù-mờ ! Gái này đã vất-vả nhọc nhằn trong việc sinh-nhai như thế này thì, chàng tính, còn gì là má phấn ? còn gì là răng đen ? còn gì mà không giảm sắc xuân, kém vẻ đẹp nữa ?

Chẳng hay, trước những tiếng than-thở thành-thực ấy, anh chồng có cảm-động không ?

MỚI CÓ BÁN Sách của QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

NGƯỜI LỊCH-THIỆP

Một cuốn sách mà ai cũng phải có trên đầu giường, trên bàn giấy, trong tủ sách, trong va-ly lữ-hành.

Bìa hai màu, trình bày mỹ-thuật Giá 0p.65

ĐƯƠNG IN

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Một bộ từ-điển chưa từng có trong văn-khố Việt-nam, đọc hàm, vui, thú vị khác hẳn các bộ từ-điển khác phàm văn-nhân học-giả ai cũng phải đọc để hiểu rõ quốc-văn và văn-chương Việt-Hán.

Dày ngót 400 trang có chua chữ Hán

Giá 2p.80

Có in một số sách bằng giấy bouffant hảo hạng, bìa vải chữ vàng dành riêng cho các bạn đặt mua trước, 5p 00 một bộ. Bạn nào muốn có bộ sách quí giá này xin cho biết và trả tiền (5p 00) trước ngày 15 Septembre 1941 mới có sách.

Thư mua sách gửi cho M. Lê-Văn-HÒE
Giám đốc Quốc-học Thư-Xã
16 bis rue Tien Tsin—Hanoi

Tin vắn hằng tuần

Đông-dương

Đạo sắc lệnh ngày 20-3-1941 nay đã ban hành :

Cấm truyền bá, công bố bất cứ bằng cách gì những tin tức quân-sự mà chánh-phủ không công bố, những tin tức có liên lạc đến lục hải-không-quân, việc phòng thủ thụ-động, những khí cụ của nhà binh dùng hay đang mua, việc chế tạo và tiếp tế lương thực ở đất thuộc Pháp. Ai phạm sẽ bị nghiêm trị.

Ngày 18 8-1941 quan Toàn-quyền đã ký nghị định ban hành tại Đông dương đạo sắc lệnh ngày 26-7-1941 định việc cấp thẻ nhà nghề cho những nhà làm báo có đủ điều kiện

Hội đồng sản xuất kỹ nghệ đã họp lần đầu ở Hanoi để định phương-pháp mở mang kỹ nghệ tại Đông-dương.

Tại Saigon, phòng du-lịch Nhật đã tổ chức một buổi chiếu bóng về các phong cảnh Nhật, và tình hình Nhật kinh-tế, kỹ nghệ, Mỹ thuật.

Hai phép quân phân điền, thổ: *Tỉnh - điền, thiên - mạch*

TRUNG-HOA là một dân-tộc văn-minh trước nhất, biết sự cày-cấy giồng-giọt đã lâu; nhưng về đời thượng-cổ chỉ biết phá rừng hoang khẩn thành đất ruộng, chứ chưa biết sự đo-đạc, quân-phân.

Đến đời nhà Hạ (thế-kỷ 23 đến 18 tr. T. C.), nhà vua mới định ra cách-thức đạc điền: nhà Hạ đặt ra *mẫu* (ước chừng 3 600 thước vuông tây) *gian* (mỗi gian ước độ 18 000 thước vuông) và *tô* (mỗi tô độ 1 800 000 thước vuông). Lại định quân-phân như sau đây: nhà nước cho phép chín nhà khẩn một tô. Những ruộng đất mà chín nhà cày-cấy ấy làm, hoa-lợi trong một năm phải đem chia làm mười phần: một phần về nhà vua. Phần ấy gọi là « công », tức là thuế một phần mười (chữ la-tinh là *décima pars*), tương tự như cách lấy thuế *dîme* (1) ở nước Pháp về đời Trung-cổ (moyen âge).

Đến nhà Thương (thế-kỷ thứ 18 đến 12 tr. T. C.) và nhà Châu (thế-kỷ thứ 12 đến 3 tr. T. C.) lại đặt ra phép *Tỉnh điền* (井田). Theo phép này, thì chia ruộng làm chín phần, những phần ấy giáp với nhau thành ra chữ « tỉnh » (井). Ruộng ở giữa chữ « tỉnh » là của nhà vua; còn ruộng ở chung quanh là của các chủ điền thuộc tám nhà. Tám nhà ấy vừa làm ruộng cho mình, vừa phải trông-nom thửa ruộng ở giữa của nhà vua, mỗi năm phải nộp hoa-lợi vào kho cho nhà-nước.

Phép đạc điền của nhà Thương lại định rằng: mỗi « tỉnh » phải có hơn 630 mẫu ruộng. Như thế, mỗi nhà có tuổi cày-cấy ít ra 79 mẫu mà 9 mẫu về của nhà vua. Về sau, số ruộng có tăng lên, mỗi « tỉnh » có đến 900 mẫu. Mỗi nhà được cày-cấy 100 mẫu mà nhà vua cũng được 100 mẫu.

Đời nhà Châu lại định lệ; phàm tráng đinh từ 20 tuổi trở lên có thể thay mặt cho họ mà nhận cày-cấy một phần chín của « tỉnh », chỉ phải mỗi năm nộp « công » cho nhà vua thôi. Phần ruộng ấy, người tráng-đinh kia được phép làm cho mãi đến 60 tuổi, rồi mới phải nộp lại ruộng giả nhà-nước. Còn từ năm 60 tuổi trở đi thì người ấy được thân-nhân nuôi dưỡng.

Đời Minh-Mệnh bản-triều (1820-1840) ông Doanh-điền sứ Nguyễn-công-Trứ (người Uy-viễn, tỉnh Hà-tĩnh) cũng theo phép *tỉnh-điền* mà lập ra 2 huyện Kim-sơn, Tiền-hải ở Ninh-bình

Theo phép của nhà Châu, ruộng đất quân-phân rất đều mà không sinh ra sự tranh-cạnh. Tuy nhiên, lúc ấy cũng đã có nhiều kẻ tham-nhũng, lạm thu hay bớt sớ ít nhiều, nhưng dân-sự không đến nỗi vất-vả, còn được hưởng chút lợi-quyền do công mồ-hôi nước mắt. Nhỡ gặp phải khi mất mùa đói kém, nhà vua lại mở kho lúa (lúc ấy là thuế « công » ở nhà « tỉnh » hằng năm nộp vào) mà chẩn cấp cho. Sự sinh-hoạt của dân vì thế không đến nỗi khó-khăn.

Đến đời Xuân-thu, Chiến-quốc, chư hầu phân tranh, xưng hùng, xưng bá, dân-gian bị tàn phá. Những nhà làm ruộng không yên một việc làm ăn! Tiền thuế « công » nhà-nước thu, chỗ thì nộp, chỗ thì bỏ Một viên quan nước Ngụy là Lý-Khôi mới định bãi hết cả phép nhà Châu mà cho dân-gian được tùy mình cày-cấy.

Đến lúc nhà Tần nhất-thống Trung-quốc, quan Tể-tướng là Thương-Ưởng (hay Thương-quân) sau khi xem xét lại điền thổ trong nước, bèn bỏ phép *tỉnh-điền* mà đặt ra phép *thiên-mạch*.

Theo phép *thiên-mạch* của Thương quân, thì ai muốn làm ruộng cũng được phép tùy theo ý mình mà làm, nhà nước không bắt-buộc gì cả.

Phép *thiên-mạch* đã đánh đổ phép *tỉnh-điền* đời Thượng-cổ. Từ đó, sự quân-phân điền thổ mỗi ngày một biến cải, gây ra bao mối tranh-dành, kiện cáo truyền mãi đến nay! TIỀN-ĐÀM

(1) Dîme là thuế một phần mười mà dân nước Pháp đời Trung cổ (moyen âge) phải nộp cho ông sứ-quân (Seigneur) hay nhà giáo (Eglise).

Một buổi họp của Hội Truyền Bá Quốc Ngữ

Tối thứ sáu 29 Aout 1941, hồi 8 giờ, hội Truyền Bá Quốc Ngữ đã họp tại hội quán Tri-Tri Hanoi, cốt để trình bày những công việc ban dạy học đã làm, đang tiến và sẽ thực-hành. Sau mấy lời ông Hội-trưởng Nguyễn-van-Tố khai mạc buổi họp bằng cái giọng niềm nở vui vẻ ta vẫn được nghe mọi khi, ông Vương-kim Toàn, trưởng ban dạy học, nói về cách tổ-chức khóa học thứ 7. Theo ông mà ta cũng rõ cả — thì hội T. B. Q. N đã đi một bước dài, khóa học này sẽ gồm ngót 70 lớp học ở tản-mác khắp thành phố Hanoi và các miền lân cận (tất cả 24 khu), có thể dạy được trên 3 nghìn người học trò, phần nhiều học ở các trường công tư. Hội lại vừa huấn luyện xong hơn 300 bạn trẻ nam nữ đã vui lòng hi sinh nhập vào ban giáo viên để dậy dỗ lớp người thất học.

Hội đã tìm được chỗ dạy, thày dạy. Còn cách dạy làm sao cho học trò học trong ít thì giờ mà chóng biết, lại có hứng thú trong khi học, đó lại là một vấn đề mà ông Nguyễn văn-Đang đã nối lời ông Toàn nói cho thính giả nghe. Ông Đang bày tỏ cái phương pháp mới trong việc dạy bằng quyển « văn quốc ngữ » hội vừa in xong. Phương pháp ấy, theo ý ký giả trước đã từng giữ cái trọng trách giáo dục đàn em trong 8 năm giời thực là hợp thời và tốt nhất từ trước đến giờ, nên ký giả mong rằng từ nay ai có con em mới bắt đầu học vỡ lòng nên theo cái phương pháp đó. K.S.

NGUYỄN-VĂN-THẮNG

(1769 -- 1832)

NGUYỄN TRIỆU

CŨNG là một công-thần nhà Nguyễn trung-hưng tự đầu thế-kỷ thứ 19 mà ta quen gọi là ông Long hay Chưởng tau Long.

Xét trong *Đại-Nam chính-biên liệt-truyện sơ-tập* soạn xong từ đời vua Tự Đức thứ 5 quyển 28 tờ 9 thì chỉ mới biết được Nguyễn-văn-Thắng là quản tàu Long-phi, người nước Pha-lang-sa tên Ba-ni-ê (1) (Vannier) theo Bácn-đa-Lộc (Evêque d'Adran) sang giúp chúa Nguyễn-Ánh.

Quyển *Gia-định thông-chí* của Trịnh-hoài-Đức soạn từ đời vua Minh-Mang không thấy nói đến một tên nào và cũng không nói đến cả đức thày Bá-đa-Lộc.

Xét *Đại-Nam chính-biên thực-lục* đệ nhất kỷ, quyển IV, tờ 15 và 16, cũng chỉ thấy chép hai tên. Nguyễn-văn-Thắng và Nguyễn-văn-Chấn (2) một cách mập-mờ !

Trong cuốn *Việt-Nam sử-lược* của ông Trần-trọng-Kim, xuất bản năm 1920, tap thứ nhì, trang 132 chép hơi rõ-ràng hơn : Chaigneau là Nguyễn-văn-Chấn chúa tàu Long và Vannier Nguyễn-văn-Thắng chúa tàu Phụng... (3)

Sau phải xem đến cuốn « *Souvenirs de Hué* » của Michel Đức và các tài-liệu khác của M. A. Salles và cố Cadière trong mấy tập B. A. V. H. 1917, 1920, 1922 và 1923 cùng sách của Louvet và Faure viết về Bá-đa-Lộc thì mới biết được rõ-ràng và chắc-chắn : Nguyễn-văn-Thắng tức là JEAN-BAPTISTE *CHAIGNEAU*.

J-B Chaigneau sinh tại Lorient ngày 8 Août 1769. Cha là Alexandre-Georges Chaigneau (1723-1786) làm hạm-trưởng các tàu hàng-hải của Ấn-độ công-ty và là nhà thế-phiệt ở miền Bretagne bên Pháp.

Năm J.B. Chaigneau mới 12 tuổi, hôm 14 Avril 1781, đã đăng xuống chiếc tàu binh vận-tải *Necker* được nửa năm, sau một trận thủy-chiến chống-trọi kịch-liệt với một chiến-hạm Anh là *Petit Annibal*. Ngày 25 Octobre 1781 J-B. Chaigneau bị bắt về giữ ở Ste Hélène ít lâu, rồi lại được tha về Lorient.

Đến Avril 1782, J-B. Chaigneau xuống dưới tàu chiến *Ariel*, rồi đến Août 1784 thì lại sang tàu chiến *Subtile* đi Quảng-châu và Manille.

Ngày 9 Septembre 1791, lại xuống tàu *Flavie* là một chiếc tàu buôn lớn có đặt súng. Sau khi tới Áo-môn thì J.B. Chaigneau mãn và thôi hẳn. Vì đã có lời đức thày khuyên dủ và nhiều người tây khác nói vào, nên J-B. Chaigneau quyết chí sang nước Nam phò chúa Nguyễn.

Đầu tháng Avril 1793 (Quý-sửu), J-B. Chaigneau đến Sài-gòn, song không gặp Bá-đa-Lộc, vì đức thày đã cùng đông-cung Cảnh và Ollivier ở cả Nha-trang. Còn người hạn thiết là Laurent Barizy (4) nữa, cũng không gặp, vì Barizy phụng mang đi Malac và Poulo-Penang để mua súng đạn, nên J-B. Chaigneau đành phải ở lại Sài-gòn đợi.

Lúc bấy giờ Chúa Nguyễn-Ánh cũng đã có nhiều thủy-quan người Pháp dưới trướng là bọn Dayot và Vannier (5-6).

Năm sau, Victor Ollivier là ông Tín phụng mạng đi Áo-môn mua khí-giới J-B. Chaigneau cũng theo đi. Cũng vì thái-độ các quan ta khó chịu, nên tháng Juin 1795, Jean-Marie Dayot từ-chức mà bỏ đi Áo-môn cùng chuyến tàu ấy. Thế là khuyết mất chức quản-đốc một chiến-thuyền lớn của Chúa Nguyễn !

Mãi đến cuối 1796 (Bính-thìn) đầu 1797 (Đinh-tị), J-B. Chaigneau mới bắt đầu vào giúp việc chúa Nguyễn và được tạm phong chức khâm-sai Cai-đội tước Thắng-tài-hầu quản Long phi đồng-thuyền Sắc niên-hiệu Cảnh hưng năm thứ 61 tháng 2 ngày 24.

敕中軍正管龍彪銅艙欽差屬內該奇
阮文勝跨浪雄風凌波巨志風雲契從
龍之會遇巷有緣舟楫攄使馬之功涉
川攸利既彰偉績宜侈殊恩特准陞為
正管龍彪銅艙欽差屬內掌奇勝尊侯
管率內艙堅水三隊員軍等聽候中軍
我務尚其勵有嚴有翼之能式共武服
奮如翰如彪之勢茂建戎功時命式欽
令各勿替欽哉故
敕
嘉隆元年十一月二十五日

Sắc Trung-quân Chánh-quản Long-phi đồng tàu, Khâm-sai thuộc nội Cai-cơ

Nguyễn văn Thắng

Khóa lãng hùng phong, lăng ba ư chi. Phong vân khế tòng long chi hội, ngộ hạng hữu duyên ; chu-viếp lư sử mã chi công, thiệp xuyên du lợi. Ký chương vĩ tích, nghi xỉ hù ân. Đặc chuẩn thăng vi Chánh quản Long-phi đồng tàu, khâm-sai thuộc nội Chưởng-cơ Thắng-toán hầu, quản xuất Nội tàu, Kiên-thủy nhất, nhị nhị đội viên quân đẳng, thinh hậu Trung-quân nhung vụ. Thượng kỳ lệ hữu nghiêm, hữu dực chi năng, thức cung võ phục ; phấn như hãn, như phi chi thế, mậu kiến nhung-công. Thì mệnh thức khâm, lệnh danh vật thế ! Khâm tài Cố sắc.

Gia-long nguyên niên, thập nhất nguyệt, nhị thập ngũ nhật.

Một hôm, Nguyễn-vương hỏi J B. Chaigneau đã nhận được sắc chưa ; Chaigneau trả lời rằng chưa thấy gì cả. Vương liền quở bộ Lại về sự chậm-trễ đó Quan bộ Lại tâu rằng : do vì chưởng tầu Long và tầu Phụng là người tây không có tên họ gì cả thì viết sắc làm sao được ! Vương bèn phán : « Đã đặt cho tên là Thắng và Chấn rồi, còn họ thì cứ lấy họ trẫm...»

Từ năm 1797 Đinh tị đến 1799 (Kỷ-mùi) đánh-nhau với Tây-sơn ròng-rã, J. B. Chaigneau yếu mệt, nên ngày 19 Mars 1800, Nguyễn-Vương cho phép nghỉ, về Malacca dưỡng bệnh cho có thày, có thuốc.

Trận đánh ở cửa Qui-nhơn, trong mấy ngày 27-28 Février 1801 (Tân dậu) j B Chaigneau tỏ ra là một ông tướng can-đảm đánh và đốt phá tan thủy-trại của Tây-sơn.

Tuân lệnh quan Giám-quân Pham-văn-Nhân, ngày 11 juin 1801 (Tân-dậu) J. B. Chaigneau đem tầu đến tăng lực-lượng ở cửa Thuận và đến ngày 18 thì Nguyễn-Vương khắc-phục thành Huế.

Cũng trong năm ấy, Chaigneau được thăng Cai-cơ. Nguyễn-vương sai ông cùng với Barisy vô Nam chữa tầu Long-phi cho xong và khi ra Huế thì chở gạo ra.

Đến năm Gia-long nguyên-niên, j. B Chaigneau được thăng chức Chưởng cơ Thắng-toán-hầu như đạo sắc đã sao đây.

Cách độ một tháng sau thì có đạo sắc khác đổi lại là Thắng-đức-hầu.

Sau mãi đến ngày 7 Août 1807 là mồng 4 tháng 7 năm Đinh-mão ông Nguyễn Đức Xuyên mới cho chữa đổi hẳn lại như trước là Thắng-toán-hầu.

(còn nữa)

---

(1) *Đại-Nam chính biên liệt truyện sơ tập* quyển 29, rang 9 : « .. Đa-Đột, Ba-Ni-ê Lê-văn-Làng, ô-li-vi tử nhân giã tòng Đa-Lộc tự Tây lai gia-định, nguyên lưu vi thần bộc, dai thụ cai-đội Đa Đột tứ danh Chấn, Ba-Ni ê tứ danh Thắng, quản tứ tính Nguyễn thị, lịch tòng chinh-phạt, quản Long-Phi, Phượng-phi nhị đại-thuyền, lịch quan chí Chưởng-cơ. Minh-mạnh sơ-niên, dĩ lão thỉnh hồi quốc ; hứa chí ....,»

(2) *Đại Nam chính biến thực lục đệ nhất kỷ. quyển 4 tờ 15 16.* « kỷ-dậu thập niên lục nguyệt. . Hoàng trưởng-tử Cảnh quy tự Tây dương. Sơ Đế mệnh Bách-Đa-Lộc hộ Cảnh như Đại-Tây cầu viện, dư nhị niên thủy chí kỳ quốc. Quốc-vương dĩ vương-lễ đãi chi, nhi chung mạc năng trợ ; nãi sử hỳ thuộc Nguyễn văn Thắng Nguyễn văn Chấn tòng Bách-Đa Lộc tông Cảnh dĩ quy. Cảnh tự thụ mệnh, như Tây tứ niên. Đế quyến niệm bất trí ; cập đắc báo, tức mệnh Tôn thất Hối tương binh thuyền xuất Cần-Chử hải khẩu tiếp hồi ; kỳ chi Đế đại hỉ duyệt. *Thắng, Chấn* da, nguyên lưu vi thần-bộc, hứa chi ; tịnh thụ Cai-đội, tứ tiền nhất thiên miên «Thắng, Chấn quân sở tứ tính danh... »

(3) *Việt-Nam sử lược Trần trọng Kim xuất bản năm 1920, tập thứ nhì trang 132* — «... Bấy giờ những người Pháp tên là Chaigneau (Nguyễn văn Chấn hay là chúa tầu Long) Vannier (Nguyễn văn Thắng hay là chúa tầu Phụng) De Forçant (Lê văn Lăng) Victor Ollivier "ông Tín" Dayot vân vân cả thảy đến non 20 người theo Bá-Đa-Lộc sang giúp Nguyễn-vương. Vương phong quan tước cho mọi người để luyện tập quân-sĩ làm tàu, đúc súng và chỉnh-đốn các việc Vũ bị...

(4) Barizy tên ta là Mân, khâm-sai, cai-đội Thành-tín hầu, quản tàu Loan-phi.

(5) Dayot, phong tước Trí-lược hầu.

(6) Vannier, tức là Nguyễn văn-Chấn. Chấn-võ hầu, quản tàu Phụng-phi.

LÒNG SƯƠNG-PHỤ

(Một chuyện thực)

TRONG gian phòng nhỏ của một tòa nhà cổ, ngọn đèn dầu dừa đang chập chờn nhảy múa như bóng ma chơi. Nàng Phương-Mai, một thiếu-nữ yêu-kiều, diễm-lệ, tuổi ngoại đôi mươi, ngồi tư lự, hai tay bóp trán, tóc sõa ngang vai, mắt đam đăm nhìn xuống mảnh giấy để trên bàn. Ở bên tay trái, cách chỗ nàng ngồi độ ngót hai thước, con nàng đang ngủ say trong chiếc màn the trắng, trong êm đềm tĩnh mịch của xung-quanh, trong khi giời mát mẻ của đêm thu.

Bên ngoài, bầu giời lặng lẽ dưới ánh giang trong. Những cành soan rườm rà, sám thẫm, dủ xuống mái ngói, không hề động đậy. Nằm tựa cửa, con chó trắng, lông xù, nhìn vào cõi xa xam, mơ theo bóng giăng đi...

Trong óc Phương-Mai, một cơn giông-tố đang làm mưa, làm gió. Tâm hồn nàng đang bối rối vì chớp nhoáng, sét dữ, sấm to!

Phương-Mai là một quả-phụ mới đoạn tang chồng được vài năm nay. Lá thư mà nàng để trước mặt là mấy vần thơ của Mộng-Trường, người yêu của nàng từ thủa chưa chồng. Nàng mới nhận được lá thư đó lúc ban chiều.

Nàng muốn giả nhời, nhưng biết viết gì. Nàng chỉ thấy lòng nàng tê tái, ý-tưởng nàng như mớ bòng bong. Đã một giờ sáng, mắt nàng lúc nào cũng đuỡm lệ. .

Tiếng trống cầm canh của tuần-phiên trong làng nổi lên trong khoảng đêm trường vắng vẻ, rồi im bặt, để cho nàng một cảm-tưởng thúc giục. Nàng cầm but viết :

« Mộng-Trường hỡi! Mộng-Trường ơi!
Xem thư, em khóc, lệ dài thâu canh.
Đêm khuya ai thấu tâm-tình,
Buồng không đôi bong, một mình mình hay ».

Ngọn gió mát, lot qua cửa sổ, làm rung rinh bức màn ngủ của con nàng. Nang đứng dậy ra tì tay vào thành song, ngước mắt lên nhìn giời cao thẳm :

« Mơ màng theo áng mây lồng bóng giăng ».

Con nàng cựa cậy, lên tiếng gọi mẹ. Nàng đi lại giường, bế con, mắt nàng chan-chứa, dàn-dụa, tuôn rơi giòng lệ ngọc :

« Con em bé bỏng thơ ngây,
Bế con, em khóc những ngày ngày trôi ».

Con nàng lại ngủ yên. Sau khi đọc lại hai ba lần bức thư của Mộng-Trường, nàng thấy tình-cảnh sầu-bi của nàng thêm phần ảm-đạm với những giòng thơ ảo-não du-dương:

« Thơ anh đẫm lệ sầu pha,
Thơ anh là buổi chiều tà quạnh hiu!
Tình em là cảnh tiêu điều,
Tình em là bóng tàu tiêu úa vàng! »

Rồi cái ý nghĩ oán trách người yêu bỗng hiện ra ở trong óc nàng. Vì nàng nghĩ : từ ngày chồng nàng mất đi, nàng vui lòng theo số mệnh, một dạ trung-trinh nuôi nấng con thơ. Tuy ở trong cảnh lẻ loi, phiền não của người gái góa, nàng chưa hề phải chiến-đấu với dục-vọng muốn tái giá. Song le, có ngờ đâu lá thư của Mộng-Trường bay đến, cái tình cũ lại trở lại với người xưa, để đến nỗi tâm-hồn nàng phải rời bỏ yên-tĩnh, lệ tình của nàng lại phải sa rơi rỏ giọt

Nàng trách người yêu :

« Mộng-Trường ơi! hỡi Mộng-Trường!
Tình anh mang lại sầu thương não lòng!
Hồn em như mảnh giăng trong,
Lửng lơ treo giữa từng không lặng tờ,
Tình anh se gió làm mưa,
Se nên đen sạm cho mờ bóng giăng!
Hồn em như bể tuyết băng
Từ lâu giá lạnh ngập ngừng sóng tung.
Tình anh le-lói nắng hồng,
Tuyết băng tan khỏi thành giòng thác sóng ».

Nàng trách thật, nhưng :

« Trách anh, em tưởng khuây lòng;
Trách anh, em thấy não nùng bằng hai ».

Nàng thấy « não nùng bằng hai », và như điên, như cuồng, nàng quăng thư xuống đất, đi đi lại lại hết đứng đến ngồi. Cơn khủng hoảng tinh thần vừa dịu bớt, nàng thấy lao đao như muốn ngã, nàng ngồi phịch xuống ghế, giơ tay ôm đầu, hai mắt nhắm nghiền, gục mặt xuống bàn. Nàng mơ mộng...

Cả một mẩu đời quá khứ sống lại trong tưởng tượng. Nàng thấy nàng sung sướng khi còn thơ ấu, e-lệ vui tươi khi mới dậy thì. Nàng thấy Mộng-Trường yêu nàng và lòng nàng xao-xuyến với mối tình đầu tiên. Nàng buồn khi Mộng-Trường đi xa, thẹn thùng khi chàng giở về, vì lúc đó nàng đã lấy chồng và đã có một con. Nàng thấy nàng giữ yên-lặng được những giây tình cũ kỹ nó rung động khi trông thấy Mộng-Trường, người yêu đầu tiên, để cho tròn bổn phận làm vợ và làm mẹ. Nàng thấy: nàng kính-phục Mộng-Trường là người quân-tử đành lòng đeo nặng hận tình, chứ chẳng như ai mong quyến dũ gái có chồng. Thê-lương bi-đát thay những hình ảnh, trong đó nàng đứng trước cái chết trẻ của chồng, nàng đưa chồng ra chốn yên giấc ngàn thu, nàng vật lộn với sầu khổ sau cơn gió bão. Yên tĩnh thay tâm hồn nàng khi thời gian mang lại cho nàng sự nhòa xóa sầu thương, sự quên lãng những giờ thê thảm. Quá khứ đưa nàng đến hiện tại. Nàng thấy tâm hồn nàng bị giầy vò xâu xé bởi những giòng thư của Mộng-Trường muốn cùng nàng chắp nối duyên xưa. Nàng cảm thấy nàng yêu Mộng-Trường một cách sâu xa thấm thía. Tình yêu đó mãnh liệt đến tột bậc khi nàng thấu rõ Mộng-Trường là người quân-tử chung tình hiếm có :

« Ngờ đâu giữa khoảng đêm giăng,
Thư anh bay tới, lệ ngừng lại tuôn.
Mới hay những lúc em buồn,
Những khi mưa gió, cảnh chuồn tả tơi,

xem tiếp trang 16

Thổ-nhĩ-kỳ, Anh-Nga và Đức

Kèm duyệt bỏ

NHẬT-NHAM

SAU khi Anh-Nga đem quân tiến vào Ba tư, thế-giới lại chú-ý đến Thổ-nhĩ-kỳ là nước lân-cận đã ký hiệp-ước tương-trợ với Ba-tư, tới nay vẫn đứng trung-lập mà đã bao phen công-bố giúp Ba-tư để chống lại một cuộc ngoại-xâm.

Trước khi muốn biết tại sao Thổ lại có một địa-vị quan-trọng trên trường quốc-tế hiện-thời, thiết tưởng nói sơ về địa-thế, chính-trị và lịch-sử một cường-quốc đã từng có một cái dĩ-vãng oanh-liệt cũng không phải là vô-ích vậy.

Trước hồi Âu-chiến 1914, Thổ-nhĩ-kỳ Á-châu cùng những bộ-lạc phụ-thuộc như Ai-cập, Samos. Hồi đó, Thổ có 200 triệu dân và chia làm nhiều tỉnh (2 tỉnh thuộc địa-phận Á-châu và 24 tỉnh thuộc địa-phận Âu-châu và 28 tỉnh thuộc địa-phận Á-châu).

Một ông vua chuyên-chế, có một thủ-tướng và một pháp-chủ cố-vấn, cai-trị dân theo hiến-pháp thi-hành từ năm 1608. Ngày nay, không còn vua, Thổ đã cải làm một dân-quốc dưới chính-thể một vị Tổng-thống, có một hội-nghị quốc-gia, giúp việc.

Tại Âu-châu, Thổ giáp Hy-lạp, hắc-hải, Bosphore, bể Marmara, gồm có Constantinople, Andrinople miền đông-Thrace cho tới Maritza.

Tại Á-châu, thuộc địa-phận Thổ là miền Arménie, Kurdistan và giải đất Anatolie có các bể Địa-trung-Egée, marmara. Hắc-hải bao-bọc.

Phía bắc, giáp xứ Caucase thuộc Nga cai-trị, phía nam và đông giáp Syrie, Méspotamie (Irak) và Ba-tư.

Thổ là một nước Sơn-lâm hiểm trở, sản lâm thảm và da súc-vật.

Xưa, người Thổ họp thành bộ-lạc ở châu Á, sau kế chân chính-phủ Ả-hát-xích bị khuynh-đảo. Đến thế-kỷ thứ XIV, Thổ kéo vào Âu-châu, rồi đến thế-kỷ XV, mở một nước hùng-cường trên di-tích nước Byzantin (miền Constantinople bây giờ). Cuộc chinh-phục càng ngày càng tiến-hành, bắt đầu từ vua Mourad I, rồi qua các triều Bajazet I, Mahomet I và Mourad II, đến năm 1453, Mahomet II chiếm được thành Constantinople : kết quả thực là rực rỡ !

Năm mươi năm sau, nước Thổ khuyếch-chương thế-lực sang miền Bá-nhĩ-can, Tây-Á, Ai-cập và đến đời Soliman I, Thổ rất cường-thịnh. Đến thế-kỷ XVII và XVIII vua Thổ đánh nhau với nước Áo và đã nhiều lần vây kinh-thành Vienne. Từ thế-kỷ XVIII, trước lực-lượng của Nga, cuộc bành-trướng Thổ bị đình-trệ. Thế là Thổ bắt đầu suy-nhược !

Nhờ Âu-châu can-thiệp, nước Hy-lạp độc-lập năm 1829 ; Lỗ được giải-phóng sau trận Crimée (1856 ; Serbie và Bảo độc-lập sau hòa-ước Bà-linh. Theo hòa-ước này, các cường-quốc phải bảo-đảm chính-pháp của Thổ. Từ 1907, Thổ theo hiến-pháp. Sau cuộc chiến-tranh năm 1911 với Ý, Thổ phải nhượng xứ Tripolitaine. Nhiều đất của Thổ chiếm được tại Âu-châu cũng mất, sau cuộc chiến-tranh ở miền Bá-nhĩ-can (1912-1918). Cuộc Âu-chiến trước [1914-1918] kết-liễu với sự thất-bại của Thổ đồng-minh với Đức, Áo và Bảo. Nhờ trận thắng Hy-lạp vào năm 1922, Thổ giữ vững được nền chính-thống theo hòa-ước Lausanne (Juillet 1923).

Thổ vẫn độc-lập ! Sau khi khởi cuộc chiến-tranh, Thổ vẫn kết-liên với Anh. Rồi Đức chiếm được miền Bá-nhĩ-can, Thổ lại ký hợp-ước thân-thiện với Đức, Ngoài ra, Thổ vẫn đoàn-kết với Ba-tư và Nga sô-viết.

Gần đây, Anh-Nga kéo quân vào Ba-tư, làm cho Thổ phải một phen bối-rối ! Thổ vẫn từng công-bố hết sức giúp Ba-tư để chống một cuộc ngoại-xâm. Nhưng, nay cuộc Anh-Nga xâm-chiếm Ba-tư sắp kết-liễu, thế mà Thổ vẫn chưa tỏ thái-độ ra sao ! Điều chắc-chắn là mặc dầu cuộc kháng-chiến của Ba-tư thế nào, Thổ cũng không đem binh sang cứu nước bạn. Thổ căn-cứ vào khoản thứ 6 hiệp-ước Ba-tư ký với Nga ngày 26 Février 1921 để từ-chối việc giúp Ba-tư. Theo khoản ấy, Nga, vì lo Ba-tư sẽ dùng làm căn-cứ-địa cho một địch-quốc đánh Nga, nên ký mật-ước với Ba-tư, phòng khi một cường-quốc địch chiếm Ba-tư mà Ba-tư không thể tự-vệ được thì Nga kéo quân vào Ba-tư trợ-lực, cho đến khi dẹp yên quân địch, Nga lại rút quân về.

Sau khi ký mật-ước với Nga, Ba-tư lại ký với Thổ một hợp-ước thân thiện, nhưng không hề đả động đến việc giúp nhau về binh bị.

Vì vậy, Thổ có thể đứng ngoài vòng khói lửa, mà vẫn giữ nền trung-lập như cũ.

Nhưng không giúp Ba tư, mới chỉ là qua được một bước khó ! Thổ còn nhiều vấn-đề cần phải giải-quyết, vì cây muốn lặng, nhưng gió chẳng đừng !

Trước cuộc tấn-công Anh-Nga vào Ba-tư, Đức không thể khoanh tay đứng nhìn được.

Hoặc Đức giao cho Ý hành-động, vì Ý vẫn có trách-nhiệm phòng-thủ khu-vực Địa-trung-hải ? Khi đó, Ý sẽ tấn-công qua Hắc-hải. Quân Ý sẽ kéo qua miền Dardanelle Như vậy, Thổ sẽ xử trí ra sao ?

Hoặc Đức giúp Ba-tư, kéo quân và tải chiến-cụ qua xứ Anatolie.

Mới rồi, có tin quân Đức tập-trung ở biên-thùy Bảo-Thổ, có nhẽ để áp-bức Thổ. Rồi giữa các đài vô-tuyến-điện Thổ và Bảo, có cuộc tranh-đấu kịch-liệt bằng ngôn-luận làm cho tình-thế hai nước thêm gang. Tuy vậy, một cuộc binh-đao giữa Thổ và Bảo không thể có được. Đồ-đệ của thuyết hòa-bình, Thổ hơn hết các nước, mong chóng kết liễu cuộc xâm chiếm Ba tư. Thổ cũng công-nhận Nga chiếm Ba-tư để tăng lực-lượng ở Trung-đông và

kéo dài biên-giới Nga-Thổ Nhưng Chính-phủ Ankara rất ngại : Nga chiếm mỏ dầu Ba-tư sẽ vĩnh viễn, Đức khó lòng lung lay nổi Cuộc phản-công của Đức sẽ quan-trọng và bành-trướng đến đâu ?

Khi ấy, Đức sẽ yêu-cầu Thổ nhường cho các không-quân căn-cứ địa miền Caucasse và xứ Arménie như Tréb zonte, Erzeroum.

Từ căn-cứ-địa ấy, Đức sẽ cho phi-cơ phóng-pháo đi tan phá các đoàn vận-tải chiến-cụ Anh-Mỹ đưa tới Tiplis bằng đường bộ hay đường xa. Thổ sẽ xử trí ra sao ?

Nếu Đức quyết định sớm hơn, Thổ sẽ không ngần ngại mà không thiên về Đức, vì Thổ không phải là không biết lực-lượng quan Đức trong trận Baltique và Hắc-hải. Sau 8 tuần lễ tấn công vào Nga, quân hiện đã tới chiến-lũy Sia ine, cách 100 cây số về tây-nam Pétrograd, đã chiếm được Smolensk Gomel và tập trung theo dọc chiến-tuyến sông Dnieper.

Nga tàng trữ rất nhiều chiến-cụ nặng. Nếu Thổ giao cho Đức các căn-cứ-địa ở biên-thùy Caucase và Ba-tư Thổ sẽ chịu ảnh hưởng sức tàn phá của chiến-cụ ấy, Thổ sẽ phải đương đầu với sức rất mạnh của Hoa-kỳ ngày mai, với một nước có những kỹ-sư sẽ cải-tạo Thổ theo nhời di-chúc của Mustapha Kémal, thành một nước hoàn toàn mới mẻ.

Nhưng một bên, Đức hết sức vận động kéo Thổ về mình.

Một bên Đại-sứ Hoa-kỳ, Anh, Nga cũng đã tới Ankara để khẩn khoản Thổ theo tụi mình.

Tình thế Thổ trở nên bi quan !

Trước khi bom Đức hay Nga nổ tại Istamboul, Thổ đã chắc kịp tỏ thái-độ ra sao chưa ?

Nhưng về mặt chính-trị đã đủ đầu ! Thổ lại chịu hai lưỡi kìm Anh Đức áp bức về mặt kinh-tế !

Sau khi chiếm được miền Ba-nhĩ-cán Đức lại khôi phục được địa-vị đã từng có trước hồi Âu-chiến trên thương trường Thổ nhĩ-kỳ. Rồi Hy-lạp bị Đức chiếm cứ, Anh mất đường vận-tải hàng hóa từ vịnh Egée đến miền Dardanelles

Từ đó, Thổ và Đức ký nhiều thương-ước với nhau, lần cuối cùng mục đích để trao đổi hóa-phẩm trị-giá tới 150 triệu hoa-viên Thổ. Kịp đến lúc Anh đặt chân sang Syrie, nay lại kéo quân vào Ba-tư, lại thêm nhiều đường tiện lợi cho việc thông thương, nên Anh tấn công vào Thổ về mặt kinh-tế. Đức hứa ít, Anh hứa nhiều, nhất là hứa bán cho Thổ nhiều dầu mỏ xứ Irak và Ba-tư.

Anh ủy cho Lord Carlysle đứng điều đình về thương mại với Thổ. Cuộc điều đình này có nhiều ước-khoản về chính-trị bảo đảm.

Về phần Đức, Đức cũng hành động riết ! Một phái-bộ thương-mại Đức, do bác-sĩ Clodius đứng đầu, sắp tới Ankara. Đức có nhiều hóa-phẩm giao dịch với Thổ như cơ-khí chiến-cụ, chất hóa học, dược phẩm.

Anh tuy không đủ các thức cần dùng cho Thổ, nhưng Anh đã có ông bạn Hoa-kỳ không thiếu thứ gì, một khi Thổ dùng đến.

Thổ vừa là cố-nhân của Anh, vừa thân-thiện với Đức, xử trí sao cho hai bên hài lòng ? Thổ thực đứng trong một tình thế khó khăn,

Kiểm duyệt bỏ

Ta chờ xem cục diện thế-giới ra sao . . .

NHẬT-NHAM

Báo mới

« Truyền Bá » là tờ báo do nhà Tân-Dân mới xuất bản, một tờ báo giữ cái công việc giáo dục nhi-đồng.

Các nước văn minh, người ta đều chú ý đến việc giáo dục nhi-đồng, vì vậy thường có rất nhiều những sách riêng báo riêng cho trẻ em đọc. Ở nước ta loại sách báo ấy còn hiếm lắm, trẻ em khi muốn đọc, thường phải dùng những « món đọc » của người nhớn, đó là một điều rất có hại. Nay nhà xuất-bản Tân Dân cho ra tập báo này chuyên để cho các trẻ em đọc, thật là rất hợp với sự nhu cần của thời-đại.

Xin vui lòng giới thiệu một bạn đồng nghiệp mới với các độc giả.

Lòng sương phụ

Tiếp theo trang 14

Hồn em như bóng ma chơi,
Đêm đông xõa tóc bước hoài trong sương !
Hồn anh lững thững mơ màng,
Theo em vào cõi đoạn-tràng năm canh »

Những rễ cái, rễ con của mối tình đầu tiên đã ăn lan khắp trái tim nàng !

Trước kia, Phương-Mai đã phải huy-động bao nhiêu mạnh mẽ của nghị-lực để vâng mệnh cha mẹ cho tròn chữ hiếu để đi lấy chồng.

Bây giờ nàng lại phải công-phá một hàng chiến-lũy kiên cố vô cùng để đi tới cái lý tưởng siêu việt nó muốn nàng có một nhân-cách quý giá vô song để đối trọi với cái cử-chỉ đáng khâm-phục, cái tâm-hồn cao thượng, cái tình yêu sâu như bể, rộng như trời, sáng mát như bóng giăng thu của Mộng-Trường. Nàng quả quyết rằng bây giờ nàng rất có quyền đi lấy chồng, nếu nàng vẫn có thể nuôi nấng con nàng một cách chu đáo, không đến lỗi đạo làm mẹ. Nàng tự cam đoan rằng nếu lấy Mộng-Trường nàng sẽ không phải thiếu thốn, nhất là về phương-diện tinh-thần, trong sự săn sóc con nhỏ, nàng sẽ lại thấy cuộc đời tươi thắm của đôi uyên-ương hay bồng. Song le, cái lý-tưởng cao siêu xưa đã làm nổi dậy trong lòng nàng tất cả mãnh-lực của can-đảm, đã đè bẹp được tất cả dục-vọng cuồng khấu thường hay băm bổ lòng quả-phụ, đã đưa nàng đến chỗ tình yêu cao chót vót, cao tột bậc.

Nàng Phương-Mai kết thúc bức thư bằng văn vần trả lời Mộng-Trường :

« Anh ơi ! khối cũ chung tình,
Thực lòng em đã nung thành cục than,
Than hồng chôn dưới tro tàn,
Ngàn năm ấp ủ ánh vàng lửa thiêng,
Than hồng mà đẹp, mà gần,
Còn hơn chắp nối tơ duyên lỡ làng.
Tình yêu anh giữ vẹn toàn,
Duyên em trắc trở, bẽ bàng lòng em ».

Minh Tuyền

«Pháo-đài bay» và phi-cơ khu-trục

Nguyễn-huyền-Tĩnh

CÁCH đây độ hai ba năm, báo *Illustration* đã từng nói đến « pháo-đài bay » (forteresse volante) trong một bài khảo cứu về phi-cơ phóng pháo (avion de bombardement).

Tác giả bài đó liệt vào hàng «pháo-đài bay » những máy bay ném bom hạng nặng, ba động-cơ kiểu *Savoia-81* của Ý, kiểu *Jungker-52* của Đức, sau chiếc máy bay khổng-lồ bốn động-cơ kiểu *Boeing-X15* của Mỹ.

Đến nay, kỹ-nghệ chế-tạo phi cơ đã tiến một bước khá dài Những chiếc *Savoia-81* đã từng « làm mưa gió » trên giang-sơn của Á hoàng Sélassié, những chiếc *Junker-52* đã từng đánh phá Madrid và Barcelone trong cuộc « huynh đệ tương tàn » bên Tây-ban-Nha hồi nội chiến, những chiếc máy bay đó lần-lượt bị sa thải để nhường chỗ cho những phi-cơ to hơn và mạnh hơn nhiều. Hiện thời, xứng-đáng với tên « pháo-đài bay » họa chăng còn có những chiếc kiểu *Boeing-yb-17*, *Douglas*, *Lockhed*, *Consolidated* trong phi-đoàn nước Mỹ.

Nga-sô-viết đã có phen đóng được « pháo-đài bay » nhưng từ khi chiếc phi-cơ sáu máy *Maxime Gorki* ngộ nạn, gãy nát tan-tành, người ta không thấy bàn đến việc đóng những máy bay to và mạnh như thế nữa.

Chiếc *Farman 221*, 19 tấn, 4 động-cơ 3440 mã-lực cánh dài 36 thước, toàn thân bọc thép nhẹ, của phi-quân Pháp tại Đông-dương, cũng có thể gọi là « pháo-đài bay » được.

Cũng như không-lôi hai tấn, trái phá nghìn cân, « pháo-đài bay » là một trong những khí-giới gớm-ghê của loài người trong kỹ-nghệ « đánh giết ».

Ta thử tưởng-tượng một chiếc phi-cơ từ đầu cánh bên nọ sang đầu bên kia (envergure) đo gần một trăm thước, toàn thân bằng kim-khí bánh xe đường kính gần hai thước đuôi lái (dérive) cao bằng một tòa nhà 2 tầng, ta sẽ nhận thấy « pháo-đài bay » đồ sộ biết là chừng nào

Thân may (fuselage) rộng-rãi, có thể chứa linh tám nghìn lít dầu săng và rất nhiều đạn được Ngoài số 18 tấn bom, máy bay còn chở được hơn một chục người vừa hoa-tiêu, vừa sĩ-quan vô-tuyen-điện và điều-khiển súng liên-thanh.

Mang nhiều động-cơ mỗi chiếc hơn 1000 mã-lực, con chim sắt 60 tấn có thể cất cánh bay một mạch 2 nghìn cây số, đánh phá một nơi, rồi lại trở về phi-trường với một tốc-lực không kém 350 cây số một giờ.

Những trái bom nặng nghìn cân đeo hai bên cánh và đặt dưới thân tàu, trong hầm chứa (soute) sẽ đủ sức hủy-hoại hết thảy các cơ-quan phòng-ngữ của bên địch, các nhà cửa, dinh-thự, lâu-đài, và mỗi lần « pháo đài bay » cất cánh lên là một lần đi gieo-gắc sự khủng-bố trên các đô-thành thị-trấn.

Trong khi còi báo-động rền-rĩ lên những hồi trầm bổng, trong khi già trẻ nhớn bé cuống quít dắt tay nhau tìm nơi trú-ẩn, liệu chừng các phi-cơ chiến-đấu và khu-trục phòng-giữ tỉnh-thành có thể đủ sức mà ngăn-cản những lớp phi-cơ khổng-lồ hay đến bắt-buộc những phi-cơ đó phải quay về nơi căn-cứ trước khi liệng được những trái không-lôi tàn-sát quân-lính và lương-dân.

Cuộc đọ tài trên không-trung sẽ vô-cùng kịch liệt vì hai bên đều có đủ khí-giới tối-tân để « hạ » lẫn nhau. Có khác một điều là một đằng « pháo đài bay » thì đồ sộ nghênh-ngang, còn các phi-cơ khu-trục thì nhỏ, không bằng một phần tư bên địch khiến ta sẽ có cảm-tưởng đứng trước một bầy chim cắt đang bao vây một lũ phượng-hoàng.

Kể về khí-giới thì đôi bên cũng sấp sỉ ngang nhau Các « pháo-đài bay » mang nhiều súng liên-thanh hai nòng ghép một (mitrailleuses jumelées) có khi bốn nòng, hoặc tám nòng (multitubes) kiểu *Lewis*, *Nordenfeld*, *Hotchkiss*, *Bren*, *Darne*, *Chatellerault*, hoặc những khẩu đại-bác nhỏ nòng từ 20 đến 37 li, kiểu *Bofors*, *Krupp*, *Stock* và *Oerlikon*, đặt thành nhiều lần bắn (postes de tir) đằng mũi, đằng đuôi, hai bên sườn tàu bay hoặc phía dưới, các lầu đó lúc thường có thể thụt xuống, ẩn vào trong thân máy (poste escamotable) để khỏi cản gió.

Những súng liên-thanh bắn đạn to nhất là 13 li 5, có sức đi xa 5 cây số và mỗi phút đồ đồng bắn được từ 800 đến 1000 phát. Nhưng có điều bất lợi là các viên đạn bắn ra một phần vì nhẹ quá, một phần vì tốc lực bay cũng khá nhanh (350 cây một giờ), nên nếu súng liên thanh quay bắn ngang thì các loạt đạn bắn ra sẽ bị gió tạt mạnh (gifle) dễ sai đích.

Những súng liên-thanh và đại-bác trên « pháo-đài bay » đều có thể quay khắp mọi chiều, nên một khi lâm trận, các phi cơ phóng-pháo bay thành hình chữ V (formation de combat en V) các súng ở phía đuôi hoạt-động chiếc nọ che lẫn cho chiếc kia rất có hiệu-quả. Các đại-bác bắn những trái phá nhỏ có hai ngòi (fusées) : một ngòi để cho đạn đụng vào đâu thì nổ phá (fusée percutante) ; một ngòi khiến cho viên trái phá dù không trúng đích cũng nổ (fusée à retardement), sau khi ra khỏi nòng súng độ gần 1 giây đồng hồ, như thế để các mảnh tung ra bắn vào máy bay địch.

Ngoài những viên đạn nổ (balles explosives) súng tự-động trên các phi-cơ còn bắn đạn khói, đạn lửa (balles fumigènes, balles traçantes) để nhận rõ đường đạn đi mà xoay

lại tám súng.

Phi-cơ khu-trục (avion de chasse) cũng mang đủ những khí-giới như các « pháo-đài bay ». Có một điều khác là : súng trên « pháo-đài bay » thì xoay đi xoay lại được mà súng của phi-cơ khu-trục thì ăn liền vào thân máy và bắn theo chiều dọc của tàu (canons et mitrailleuses tirant dans l'axe). Như thế mỗi khi giáp chiến, nếu viên phi-công nhận thấy tàu bay bên địch trong đương phân km của máy ngắm (collimateur) thì cứ việc lao thẳng máy bay đến, rồi bóp cò sung nổi vào máy tự-động bằng một sợi g ây sắt mềm (bowden), tức thì bay ra 60 viên đạn trái phá của đại-bác-động cơ (moteur-canon) bắn qua chốt cánh quạt, và hàng nghìn viên đạn thép của hai khẩu sung liên-thanh đặt hai bên cánh (mitrailleuse d'aile).

Không có sức chịu đạn bằng các chiến-hạm có vỏ day, các « pháo-đài bay » sẽ bị nguy-khốn trước trận bão thép. Các viên đạn súng tiên thanh sẽ khoan vào thân tàu mỏng-mảnh hàng nghìn lỗ thủng chi-chít. Các đạn trái-phá 20 li và 37 li sẽ tàn-phá các cơ-quan hệ-trong (parties vitales) như cánh, động-cơ, đuôi lái, bầu dầu. Trung cánh, các viên trái-phá nổ tan ra làm rách lần thep mỏng khiến khí giới lùa vào những vết thủng : sức mang nặng của đôi cánh yếu dần, phi-cơ sẽ không thể bay cao lên và sẽ làm mồi cho những cao-xạ ngắn nòng của bộ-đội phòng-thủ.

Trúng đuôi lái (dérive), máy bay sẽ mất thăng bằng ; trung bầu dầu (réservoir) thì toàn thân phi-cơ sẽ bùng lên như một ngọn đuốc.

Ngày xưa, các phi-cơ khu-trục chỉ mang độ một hai khẩu súng liên-thanh là cùng. Ngày nay, các phi-cơ kiểu đó có sức mạnh gấp bội.

Kiểu *Morane 406* của Pháp, nhất nhì trên thế-giới, kiểu *D wo ine D-510* cũng của Pháp đều mang một đại-bác bắn qua chốt cánh quạt (moteur canon *H spano-Su za Y-B12*) và 2 súng liên-thanh đặt hai bên cánh.

Kiểu *Spitfire* và *Hurricane* của Anh mang tám khẩu súng liên-thanh *Vickers* đặt mỗi bên cánh 4 khẩu.

Những kiểu *Messersehmidt 109* của Đức, *Curtiss-37* của Mỹ đều mang đại-bác mạnh và súng liên-thanh.

Cùng hạng với phi-cơ khu-trục, ta có thể kể thêm những phi-cơ mà các nhà chuyên-môn gọi chung là phi-cơ chiến-đấu (Avion de combat) như kiểu *Potez 63* của Pháp mang 2 đại-bác dưới bụng và một súng liên-thanh hai nòng ghép một có thể xoay được, đặt ở phía đuôi, kiểu *Breguet 690* của Pháp cũng mang đại-bác, kiểu *Heinkel 111* của Đức, *Airacuda* của Mỹ đều mang nhiều đại-bác tự-động (canons automatiques).

Như vậy, kể về phương diện khí-giới, bắc đồng cân ta sẽ thấy hai bên ngang nhau, nhưng nếu ta đứng về phương-diện chiến-đấu, thì « pháo-đài bay » bị nhiều điều bất-lợi.

Trước hết kể về kích-thước, « Pháo-đài bay » to và kềnh-càng nên dễ làm đích cho đại-bác và súng liên-thanh của quân-địch. Trái lại, phi-cơ khu-trục bé-nhỏ, nên nếu trông thẳng thân tàu chỉ là một chấm đen, đôi cánh chỉ là một vệt dài, khó lòng mà ngắm cho trúng được, nhất là với tốc-lực hiện-thời (trên 400 cây số một giờ), các máy bay chỉ kịp trao đổi một loạt đạn rồi lại cách xa nhau hàng hai ba cây số.

Điều bất lợi thứ nhì của « pháo đài bay » là chậm-chạp. Những máy bay khu-trục sẽ đủ thì-giờ bay lên ứng chiến. Những chiếc phi-cơ mau-lẹ, nhanh như cắt, sẽ bay vụt lên trên 10 cây số rồi đảo xuống, hồ nhào vào phía đuôi của « pháo đài bay » mà bắn xuống. Cho dẫu có bắn trả lại, phỏng thử một vài khẩu súng liên-thanh đặt phía sau chiếc máy bay ngoại-khổ kia, có thể đương lại được với những loạt đạn trái-phá và súng cối xay như mưa rào bay tới ?

Không những thế, máy bay khu-trục lại dễ điều-khiển : có thể bay ngửa (looping), bay nghiêng (renversement), bay tắt máy rơi như chiếc lá rụng (feuille morte) và những khóe nhào lộn (acrobatie) của các phi công cưỡi những máy bay đó, khiến cho các tay g ữ súng tự-động trên « phao đài bay » không biết đâu mà lường để đặt đạn cho trúng đích được.

Vì giá tiền quá cao, nên số « pháo đài bay » khó lòng mà hơn số máy bay khu-trục, nếu trong khi giáp chiến, 1 địch với năm, các « pháo-đài bay » có lẽ cũng phải theo luật « mãnh hổ nan địch quần hồ » mà kém phần thắng-lợi. Ấy là chưa kể nhiều khi một phi-công cưỡi máy bay khu-trục liều mình để cho máy đâm sầm vào bên địch, một mạng đổi lấy mười, tiền muôn đổi lấy bạc triệu.

Sau cuộc xét-đoán, ta nhận thấy « pháo-đài bay » có lẽ cũng không lợi cho việc dụng binh, nếu bên địch có nhiều máy bay khu-trục tinh-nhuệ và chính những nhà chuyên-môn không-quân hiện thời cũng thiên về kiểu máy bay ném bom hạng vừa, tuy nhẹ nhưng cũng lợi-hại lắm. Đó là những kiểu *Lioré Olivier Leo 45* của Pháp, *Bristol-Blenheim* của Anh, *Dornier 215* của Đức, tốc-lực không kém những phi-cơ chiến-đấu mà số tạc-đạn mang đi cũng không phải là ít.

Một chính-khách Anh trong mấy tuần vừa qua đã từng tuyên-bố : « Các phi-cơ phóng-pháo sẽ đem cho ta phần thắng-lợi cuối cùng ». Có lẽ ông ta cũng tin ở lực-lượng chiến-đấu của các pháo-đài bay mà Mỹ sẽ gửi sang giúp phi-đoàn Anh-quốc. Nhưng liệu sau này những chiếc *Boeing* hùng-tráng nghênh-ngang có thể vẹn-toàn trở về ca khúc khải-hoàn, nếu trên vòm giời *Essen* và *Dussendorf*, các « tòa thành trên không-trung » đó bắt buộc phải chiến-đấu với hàng trăm chiếc *Messerschmidt* và *Heinkel* tự bốn phương đổ lại.

Dẫu sao, hi-sinh biết bao nhiêu nhân-tài anh-tuấn, hủy-hoại biết bao nhiêu máy móc tinh-vi, điều đó không khỏi làm cho ta phải bồi-hồi nghĩ-ngợi.

NGUYỄN-HUYỀN-TĨNH

Số 5

PHÁC SƠ VỀ

MẸO TIẾNG TA

(Dạng - bản văn - pháp)

ĐÀO-DUY-ANH

CHỮ quốc ngữ dùng 29 chữ cái, tựu trung có 12 chữ ghi âm chính là:

a, ă â e ê i o ô ơ u ư và 17 chữ ghi âm phụ là: b, c d đ g h k l m n p q r s t v x.

Ngoài ra lại có 27 chữ ghi âm chính kép là: ai, ay, ây, ao, au, âu, eo, êu, ia, iu, oa, oc, oi, ôi, ơi, uê, ui, ưi, uy, ưu, iêu, oai, oay, uây, uôi, ươi, uya.

Cùng 9 chữ ghi âm phụ kép là: ch, gi, kh, ng, nh, ph, qu, th, tr.

Âm chính là những âm phát ra tự nhiên, do không khí trong phổi thoát ra lỗ miệng mà ở giữa đường không bị vật gì ngăn trở. Tự một mình nó có thể độc lập được.

Âm phụ là những âm tự một mình không độc lập được mà phải phụ vào với âm chính thì mới thành âm, ví dụ:

Ch phải phụ với *a* thì mới thành được âm *cha*.

Các âm phụ là thành bởi không khí trong phổi thoát ra mà giữa đường gặp vật trở ngại hoặc là họng, hoặc là lưỡi, hoặc là răng hoặc là môi.

Chữ nôm xưa không có dấu hiệu riêng để ghi giọng như chữ hán. Chữ quốc ngữ thì có 5 dấu để ghi năm giọng biến, còn giọng thường thì không có dấu.

Giọng bằng thường (bổng) không dùng dấu.

Giọng bằng (trầm) dùng dấu huyền (ˋ)

Giọng lên cao (bổng) dùng dấu sắc (ˊ)

Giọng thấp (bổng) dùng dấu hỏi (?)

Giọng gãy cao (trầm) dùng dấu ngã (~)

Giọng thấp (trầm) dùng dấu nặng (.)

Trong các giọng của tiếng việt xưa nay các nhà thi phú phân biệt ra làm hai thể: thể bằng gồm có giọng bằng thường (không dấu) và giọng bằng thấp (dấu huyền) và thể trắc gồm các giọng lên và gãy (bốn dấu khác). Tiếng việt là một thứ tiếng có tính chất âm nhạc nên làm văn xuôi người ta cũng nên chú ý về sự phối hợp của giọng thì lời văn mới có âm hưởng dịu dàng. Trong các giọng ấy ta nên phân biệt hai loại:

a) Giọng bổng là các giọng không dấu và thuộc về dấu sắc, dấu hỏi.

b) Giọng trầm là các giọng thuộc về dấu huyền, dấu nặng, dấu ngã.

Tiếng nói muốn cho rõ ràng cần phải nốn giọng cho đúng. Người Bắc-kỳ thường nốn giọng đúng hơn người các nơi khác. Như người Thanh-hoá, Thừa-thiên, Nam-kỳ thì không phân biệt giọng dấu hỏi và giọng dấu ngã, bởi thế họ viết chữ thường hay lộn dấu. Những người ấy muốn viết cho đúng thì cốt nhất là cần phải nhận rõ cách viết từng chữ rồi gắng nhớ lấy.

Song cách hoà giọng của tiếng nói cũng thường theo qui tắc nhất định, nếu ta nhận ra qui tắc ấy thì ta cũng có thể dùng nó làm tiêu chuẩn để phân biệt những dấu hay lộn ấy (1).

Khi một tiếng đơn này biến hoá thành tiếng đơn khác, hay kèm thêm tiếng phụ để thành tiếng kép lấp láy sự biến hoá ấy phải làm thế nào cho âm điệu hoà hai, *nghĩa là làm theo luật thuận thanh âm*, đó là huynh hướng tự nhiên của tiếng nói. Chia các giọng của tiếng việt ra hai loại là bổng và trầm sẽ thấy rằng trong sự kết hợp của những tiếng lấp láy các giọng đồng loại phải đi với nhau, không khi nào loại này đi với loại khác.

Ví dụ:

Giọng bổng:

1· Bằng với bằng: lân-la, vu-vơ, long-lanh, đong-đưa, xôn-xao.

2· Bằng với hỏi: nho nhỏ, nhỏ nhoi, len lỏi, hâm hẩm.

3· Bằng với sắc: ngơ ngác, tê tai, dẫn đo, na ná

4 Hỏi với sắc: nhơ nhớn, mắt mỏ, sắp sửa.

5 Hỏi với hỏi: tủm tỉm, uể oải, thỏ thẻ.

6 Sắc với sắc: tấm tức, tức tối, rối rít.

Giọng chìm:

1· Huyền với huyền: rì rầm, dần dà, dồi dào, ồn ào.

2 Huyền với ngã: rõ ràng, vẽ vời, ngớ ngẩn, thần thơ.

(1) Cách phân biệt dấu tôi dùng đây là do ông Nguyễn-Đình tìm ra, có đăng một bài về vấn đề ấy ở trong tạp-chí Tao-Đàn. Gần đây ông Ngọc-Trụ có đăng ở tạp-chí Nghệ-Thuật số 3, 4, 5, 6 một bài dài đề là luật *Tứ-thanh và luật ngã hỏi*, tuy không nhắc đến bài của ông Nguyễn-Đình, nhưng cũng đồng ý với ông về chỗ ấy

3 Huyền với nặng: ngại ngùng, lạnh lùng, nghẹn ngào, sằng sặc.

4 Ngã với nặng: lạnh lẽo, rõ rệt, quạnh quẽ, lặng lẽ, mạnh mẽ.

5 Ngã với ngã: vỡ vẽ, ngẫm nghĩ, lững thững.

6 Nặng với nặng: xụt xịt, rộn rịp.

Xem hai biểu trên thì ta thấy tiếng giọng ngã khi nào cũng đi với tiếng giọng nặng và huyền, dấu hỏi khi nào cũng đi với dấu huyền, dấu sắc. Vậy thì:

I — Trong các tiếng kép lấp láy, hễ có một tiếng đơn nào là giọng ngã, giọng huyền hay giọng nặng thì tiếng đi theo tất phải là giọng ngã, nếu có một tiếng đơn là giọng hỏi, giọng bằng hay giọng huyền, thì tiếng đi theo kia tất phải là giọng hỏi.

II. — Nếu là những tiếng đơn thì ta phải tìm tiếng lấp láy của nó, rồi cũng y theo các nguyên tắc trên kia.

III. — Có những tiếng đơn không thể tìm ra tiếng lấp láy của nó được thì ta đổi dấu của nó đi để tìm tiếng biến thể của nó nếu tiếng mới ấy giọng trầm thì tiếng chính tất giọng ngã, nếu tiếng mới là giọng bổng thì tiếng chính tất là giọng hỏi.

Ví dụ:

Dấu đổi ra giọng huyền là *dầu*
Đỡ — nặng là *đợ*
Dẫm — nặng là *dậm*
Tuả — bằng là *tua*
Kỷ — sắc là *ký*
Cảm — sắc là *cám*

Những nguyên tắc ở trên tuy không khiến ta tìm được dấu của tất cả những tiếng giọng hỏi hay ngã, song cũng có thể giúp ta được hơn phần nửa rồi.

Lời và ý. — Quan hệ của các tiếng nói với nhau Tiếng nói là dấu hiệu của ý tưởng. Tiếng nói có ý nghĩa thì gọi là lời. Về khoa học thì mỗi lời có một ý nghĩa nhất định, bất di bất dịch, như: hình tam-giác, khai phương, lưu huỳnh, thán khí v v... Song cũng có nhiều lời không có ý nghĩa rạch ròi như vậy, ví như: bàn, ghế, chơi, ăn. Những lời ấy chỉ vật hay sự gì, chứ không định rõ giới thuyết.

Mối quan hệ của dấu hiệu với ý tưởng là do tục truyền mà thành, về tiếng mượn ở ngoài thì mối liên lạc ấy lại thành ở nơi khác mà ta chỉ thừa nhận. Có nhiều tiếng, mối quan hệ ấy đã đổi khác theo thời gian, ví như tiếng *« đồng hồ »*, xưa chỉ một cái bình bằng đồng (đồng hồ) có đựng nước để đo thì giờ, thì nay chỉ cái máy đo thì giờ của người Tây-phương sáng chế.

Ý nghĩa của lời nói lại thường thay đổi luon luôn, nhiều khi người ta khong nghĩ gì đến nghĩa đen của nó mà chỉ lưu ý về nghĩa bóng mà thôi Những lời tỷ dụ là thuộc về loài ấy:

(còn nữa)

1er SEPTEMBRE 1941

Bắt đầu khai trương

NHÀ IN HÀN-THUYÊN

53, phố Tiên-Tsin Hanoi

Nhận in đủ các sách vở, báo chí, giấy tờ

ẤN LOÁT MỸ THUẬT
CÔNG VỆC NHANH CHÓNG
GIÁ TÍNH PHẢI CHĂNG

Giám đốc: Nguyễn - xuân - Tái

Cánh nhỏ, nước xanh, hương thơm hơn các thứ chè khác

CHÈ
TRUNG - LƯƠNG

Chè này bằng cấp đã bao phen,
Hương vị thơm tho há phải hèn.
Quý khách ba kỳ nên chiếu cố,
Lợi quyền nâng đỡ lúc đua chen.

Chủ nhân:
PHẠM - VĂN - CƯỜNG
TRUNG - LƯƠNG
129, Rue Duv llier
HANOI

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 12

PHAN-NGẠN nói rồi cười ranh mãnh. Văn-Khuê ngồi im như nghĩ ngợi hay cố nhớ những việc vừa xảy ra. Giữa lúc ấy, Bạch-y-nương ở ngoài vào, Phan-Ngạn đứng dậy chào, rồi lại đem hết ý nghĩ vừa kể với Văn-Khuê, thuật lại cho nàng nghe và kết luận :

— Nếu cứ thế này, tôi sợ cái mộng sung-sướng của ông bà bắt chước kẻ nông-phu sống ở cạnh rừng Gia-viễn không còn kịp nữa !

Phan - Ngạn nói xong trân-trân nhìn vợ chồng Văn-Khuê. Thấy hai người đều ra vẻ trầm ngâm, Ngạn mừng thầm mưu kế đã thành, vội ranh mãnh giục :

— Thế nào? hai ông bà nghĩ sao?

Văn-Khuê hỏi lại :

— Bác định kế hoạch thế nào ?

Phan-Ngạn tự đắc nói :

Theo ý tôi, thì tôi định thế này : Ta phải khởi sự ngay. Tôi đem quân Hải-dương và Sơn-nam do đường thủy tiến về. Tráng quận-công Ngô-đình-Nga đem quân Sơn-tây về. Bác đem thủy quân của bác trên sông Nhị-hà, đều đánh dồn vào chiếm Kinh thành. Nguyễn-Hoàng giờ chửa có binh quyền ; ta vào thành sẽ chia binh quyền cho hắn. Còn Ngô-đình-Nga đã bằng lòng rồi. Mai tôi đưa hắn lại đây cho bác tin. Vậy bác nghĩ thế nào? Việc là việc khẩn cấp.

Văn - Khuê ngẫm-nghĩ rồi bảo Phan-Ngạn :

— Mai bác lại tôi hãy quyết định, để chúng tôi xét kỹ xem đã.

Phan-Ngạn trù trừ rồi nói :

— Được rồi. Đến mai. Nhưng thế nào cũng phải quyết ! Nguy cơ đến nơi rồi ! Trông gương Nguyễn-Hoàng, cậu người ta đấy !

Rồi Phan-Ngạn đi ra, mỉm cười thâm hiểm, tự tin mưu sâu thế nào cũng đạt.

●

Còn lại hai vợ chồng trong phòng, Văn-Khuê mới thong thả hỏi vợ :

— Cứ hiện-tình thế, phu-nhân xét xem chúng ta có cơ nguy gì không?

Bạch-y-nương ngẫm nghĩ từ nãy đến giờ, thấy hỏi mới đáp :

— Rõ oái-oăm quá ! Ở đâu thì cũng chỉ vì thiếp mà sinh ra nhiều chuyện chẳng hay cho chàng. Một người trung dũng ngay thẳng như chàng, mà lao đao, lận đận chỉ vì thiếp : thật tai ác quá. Cổ-nhân bảo « *hồng-nhan da bạc mệnh !* » Thật vậy, thiếp không bạc mệnh đường nọ, thì bạc mệnh đường kia !

— Phu-nhân đừng nói buồn quá như vậy ! Lúc này là lúc cần phải suy tính con đường nào lợi thì theo.

— Đành rằng thế. Nhưng giá hôm ăn tiệc trong phủ, thiếp không đi lại hóa hay. Thiếp đã không đi. Sao chàng cứ bắt thiếp phải đi !

— Rõ đàn bà có khác ! cứ lẩn thẩn giở lại chuyện cũ. Người ta mời, mình không đi, là khinh, sau này xử với người ta thế nào ? Vả, không phải vì thế mà mình lo. Lo về cớ khác nhiều hơn. Trịnh-Tùng là kẻ ghen tài. Đằng này mình lại có công, có tài, có cả binh quyền trong tay, chỉ sợ nó chủ tâm hại mình, mình không liệu trước thì khốn. Tin gì được cái lão đại gian hùng ấy. Đến ngay Nguyễn Hoàng là cậu hắn còn bị giam lỏng đấy nữa là.

— Nhưng thiếp nghĩ vẫn thế nào ấy. Nó cứ rối cả ruột lên. Thôi, thiếp kể chàng. Chàng nghĩ làm sao, thiếp theo làm vậy. Song chàng phải xét rõ tình hình ở Triều thực hư thế nào đã, rồi hẵng định liệu, chứ không thể tin ngay Phan - Ngạn được. Biết đâu nó lại chả có tình ý khác. Ít lâu nay, thiếp thấy nó cư xoắn lấy nhà ta. Giờ nhân nhắc đến Trịnh-Tùng, thiếp mới nhận ra. Thì ra chung quanh mình thiếp đều có thể là kẻ cướp !

Câu chuyện dần tan về mưu tính và kế-hoạch dùng binh.

II

Tháng hai năm Canh-tý (1600). Kế quận-công Phan - Ngạn, Tráng quận-công Ngô-đình-Nga hiệp cùng Mỹ quận-công Bùi văn Khuê đánh kinh-thành.

Tráng quận-công Ngô-đình-Nga đem quân bộ miền Sơn-tây dẫn qua Từ-liêm về đánh cửa tây, Kế quận-công Phan-Ngạn đốc bộ binh Hải-dương về chiếm Kinh bắc, lấy Gia-lâm. Lại đem thủy-quân Sơn nam thẳng lên đánh cửa Đông, Mỹ quận-công Bùi-văn-Khuê huy động thủy-quân trên sông Nhị-hà đánh vào cửa Bắc.

Được tin báo, Trịnh-Tùng liền giao binh-quyền ở phủ Chúa cho con là Thái-uý Uý quận công Trịnh Tráng và dặn tùy-cơ liệu việc. Còn Tùng vội vào cung rước vua Kính-Tôn đem ẩn dấu và quân lính ra giữ cửa Tây. Nơi kinh-thành lại trở nên một trường đại náo, diễn ra tấn kịch « chạy loạn » nheo nhóc thảm thương : các quan chức cho vợ con đi lánh nạn ; các nhà giàu nhà buôn đem của - cải chạy lung-tung. Quân lính của hoàng-thành còn nhốn nháo, không trị nổi.

Quân Ngô-đình-Nga đánh phá cửa Tây đương gấp. Trịnh-Tùng ra lệnh cho quân lính liều chết cố đánh, chợt lại có tin báo thủy-quân Phan-Ngạn đương bắn phá vào cửa Đông, thủy-quân Bùi-văn-Khuê, tiến đánh cửa Bắc. Lập tức Tùng cử con thứ là Thành-quận-công Trịnh-Thung đem một toán quân đội Hổ-oai và đội Ngự tiền thủy-quân đóng ở hồ Lãng-bạc ra giữ cửa Bắc. Còn về cửa Đông, Trịnh-Tùng không biết cử ai, liền lên tiếng hỏi các quan có mặt tại đấy :

— Trong các quan có ai tình nguyện ra giữ cửa Đông?

Im thin-thít, không một ai gả nhời.

Đoan quốc-công Nguyễn-Hoàng thủng-thẳng nói :

— Thế giặc mạnh lắm, không ai dám đương. Nhà vua bắt ai thì người ấy phải đi. Không quả quyết mau chóng, e hỏng hết mọi việc !

Trịnh-Tùng trông thấy Nguyễn-Hoàng, ngẫm-nghĩ rồi nói :

— Vậy, xin cử cậu đi. Tôi tâu với nhà vua.

Trịnh-Tùng liền sai thảo chế sắc, kiếm ấn-đấu rồi giao cho Nguyễn-Hoàng đi đốc quân ở hồ Thủy-quân và ở ven bờ sông Nhị-hà tiến đánh Phan-Ngạn.

Thấy quân Nguyễn-Hoàng hung-hang tiến ra mạnh quá. Phan-Ngạn cứ từ từ cho quân lùi. Được thế, quân của Nguyễn Hoàng phóng thuyền mà đuổi.

Đến bến Vị-Hoàng. Phan-Ngạn dàn thuyền ngang sông, bầy thế trận đâu đấy rồi, thân hành xuống một chiếc thuyền con cùng năm ba lực-sĩ tiến sang bên địch, hỏi Nguyễn-Hoàng rằng :

— Đoan quốc-công muốn đánh hay muốn hòa? Đánh, chúng tôi cũng đủ sức đối lại. Nhưng tôi thết tưởng thiệt hại cho quốc-công nhiều : Một thân bị kiềm chế ở nơi đô-thành, nay đến lúc nguy-cấp lại đem quân đi đánh giữ cho người ta thì thật là người cố-chấp, bất thức-thời ! Chi bằng đi với chúng tôi, tôn-phù nhà Lê, trừ tên quyền-thần Trịnh-Tùng đi, nối lại cái chí của Triết-tĩnh công ngày trước, có phải hơn không?

Nguyễn-Hoàng nói :

— Tôi đánh nhau với ông, thật chỉ thiệt mình ! Nhưng đi với ông, tôi nhất định không đi. Bây giờ tôi xin giao ước với ông một điều này, nếu ông bằng lòng, ta làm ngay tức khắc...

Phan-Ngạn nói :

— Điều gì, ông cho tôi biết ?

— Tôi định như thế này : Tôi với ông không đánh nhau nữa. Tôi mặc ông muốn làm gì ngoài này thì làm. Tôi về Thuận-hoá. Ông đã biết tôi làm Trấn-thủ trong ấy, sửa sang mọi việc đã được chu đáo. Thế mà ra chầu vua Lê ngoài này, bị Trịnh-Tùng giữ lại tám năm rồi, quá người bị giam lỏng ! Nay may nhờ các ông tôi được cầm quân tới đây, điều mong mỏi của tôi là về Thuận-hoá. Vậy ông mở đường ngay cho tôi đi. Tôi xin đa tạ.

Phan-Ngạn ngẫm nghĩ rồi nói :

— Được, tôi để cho ông đi, không mất một chiếc tên, không hao một người lính. Nhưng, về trong ấy rồi, ông phải đánh mạn Nghệ, Tĩnh để, chia thế-lực quân Trịnh.

Nguyễn-Hoàng ưng thuận.

Phan-Ngạn lập tức cho dồn chiến thuyền vào một bên sông, để lối cho quân Nguyễn-Hoàng kéo ra.

Trước khi đi, Nguyễn-Hoàng cho đốt hết dinh trại và những cái gì kềnh càng không mang theo được, rồi tiến quân thẳng sông Vị-hoàng, xuôi cửa Đại-an ra bể, phóng về Thuận hoá.

Ở Thăng-long, quân Ngô-đình-Nga đã tiến vào được trong thành. Trịnh-Tùng mang vua Kính-Tôn theo đường bộ chạy về Thanh-hoá. Bùi Văn-Khuê đóng chiến thuyền rải-rác từ đê Cơ-xá đến bến Thủy-ái để đề phòng quân thủy.

Nửa đêm hai mươi ba tháng hai, Phan-Ngạn đem chiến thuyền đến đánh quân Bùi-văn-Khuê.

CHU-THIÊN

Còn nữa

HAI QUYỂN SÁCH ĐÃ IN HÀNG MẤY VẠN

rất hợp cho các giáo viên dạy ở các trường Sơ-đẳng và các trường Hương-sư

VẬN VĂN BÁCH TUYỂN

của DƯƠNG-TỤ-QUÁN

Vừa in lại xong lần thứ 7, nghìn thứ 18

100 bài học thuộc lòng xếp đặt từ dễ đến khó, dùng ở các lớp từ Đồng-ấu đến Sơ-đẳng, rất tốt.

Giá 0p.50

TẬP BÀI THI BẰNG SƠ-HỌC YẾU-LƯỢC

của DƯƠNG-QUẢNG-HÀM và DƯƠNG-TỤ-QUÁN

Vừa in lại lần thứ 8, nghìn thứ 24

Đủ cả âm-tả, luận quốc-văn, tính đố và dịch chữ Pháp.

Giá 0p.55

Đều được Hội-đồng duyệt sách cho dùng trong khắp các trường Pháp-Việt ở Đông-dương

Bán tại hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông Hanoi — Mua nhiều có trừ hoa hồng hậu

Quang Trung và Ngọc Hân Công Chúa

Tiếp theo trang 4

đi làm phò-mã càng có cái « hay-hay », nên cười bảo Hữu-Trỉnh :

— Nay ta là em vua Tây-sơn, mà làm rể vua nhà Lê môn đương hộ đối như thế, tưởng cũng là một việc ít có.

Nguyễn-hữu-Trỉnh biết Nguyễn-Huệ ưng rồi, bèn vội-vã tâu với vua Hiển-tôn. Vua cũng bằng lòng và cho gọi tất cả công-chúa ra xem người nào xứng-đáng để Trỉnh tác-thành cho.

Một lát, các cung-nữ trở ra, có các công-chúa theo sau. Nguyễn hữu-Trỉnh ngắm một lúc, tâu rằng :

— Thế được rồi, thật là mối duyên lành ! Tôi xin chu-tất.

Nguyện-hữu-Trỉnh hớn-hở ra mắt Nguyễn-Huệ :

— Tôi đã đem những lời Minh-công tâu với Hoàng-thượng ; ngài rất bằng lòng. Ngài có bảo tôi rằng : Được ý Minh-công như vậy cũng là thân duyên. Ngài có bà công-chúa tên là Ngọc-Hân xin cho sung vào hậu-đình để liên-lạc cái thân-nghị hai họ.

Công-chúa Ngọc-Hân là con vua Hiển-tôn và bà Chiêu-nghi hoàng-hậu. Hai ngài rất nhiều con. Công-chúa đâu là người thứ chín, năm ấy vừa mười sáu tuổi. Ngày mà cuộc trung-hưng được thành lập cũng là ngày cơ-nghiệp nhà Lê bắt đầu suy-vi. Khi công-chúa ra đời, âu vàng tuy nhờ họ Trịnh được vững, mà nền thống-nhất đã lay ; quyền nhà vua chỉ còn là cái bóng ! Chúa Trịnh lăng-bức vua Lê trăm chiều, mà thân vua đâu đã yên ! Giặc-giã bốn-phương liên-tiếp nổi lên như để báo trước một cơn giông-tố hãi-hùng.

Công-chúa lớn lên trong bầu không-khí nặng-nề, ảm-đạm lúc tàn-cục. Thân là thân vàng ngọc, mà mắt trông chẳng lọi một nỗi khổ gì của giống người : lên, xuống, còn, mất tan, hợp. Ảnh-hưởng thời-cục vì vậy đã để một ấn-tượng sâu vào tấm-khảm công-chúa, khiến trong tuổi ngây-thơ mà cô gái đã mang một linh-hồn tràn-ngập tình-cảm, và công-chúa mới mười sáu đã sẵn một tính cẩn-trọng ngay người lớn hơn chưa dễ đã có.

Công-chúa lại tư-sắc hơn người ; từ lúc bé, được giáo-huấn ở trong cung-đình, đã thông suốt đồ-sử, lại tinh âm-luật, văn quốc-âm rất hay. Vua Hiển-Tôn rất yêu-quí. Ngài thường bảo rằng : « Con gái này sau nên gả làm vương-phi, chớ không nên gả cho bọn phò-mã tầm-thường ».

Thì cơ-hội đã đến đó ! (tuy rằng đến trong những trường-hợp khắt-khe). Người phò-mã được tiến-cử không phải trong khuôn-khổ bọn tầm-thường.

Nguyễn-Huệ nghe Nguyễn-hữu-Trỉnh nói cũng gật đầu. Nguyễn-hữu-Trỉnh lật-đật vào cung. Trước khi bằng-nhân đi, Nguyễn-Huệ còn dặn :

— Ta xin chúc Hoàng-thượng vạn tuế. Ta ở nơi thâm-sơn cùng-cốc mới đến, đâu dám đường đột như vậy, may sao được phụ vào kim chi ngọc diệp, thực là một cái duyên may, xưa nay chưa từng có, vinh-hạnh biết là chừng nào !

Vua Lê bằng lòng gả Ngọc-Hân công-chúa cho Huệ.

Tin bay ra khắp thần-kinh, ai nấy cho là một dai-thoại chưa chắc có hai lần trong đời. Có người cho Nguyễn-Huệ dù có công dứt Trịnh cũng chỉ là kẻ áo vải ở Tây-sơn, nay được dự vào hàng lá ngọc cành vàng thật vinh-hạnh cho Nguyễn Huệ. Có kẻ lại mừng cho vua Lê đã khéo chọn rể cho con, lại còn tìm được người lương-đống để giữ-gìn xã-tắc. Rút lại, ai cũng biết cuộc hôn-nhân thật là đẹp « trai anh hùng, gái thuyền-quyên » và chỉ mong tới ngày công-chúa nghi-gia.

TAM-GIA

(Còn nữa)

TỔNG PHÁT HÀNH

RƯỢU CHỒI BẮC-KỲ

Các bà sinh nở dùng rượu chồi Bắc-kỳ, trừ được các chứng sản hậu, tê thấp v. v. *Tốt và rẻ tiền.*

ĐÔNG-DƯƠNG THƯƠNG-CỤC

Tổng đại biểu Kỹ nghệ sản phẩm nội hóa 155, Rue du Coton — Hanoi

KHẮP CÕI ĐÔNG-PHÁP

Chỉ máy Sư tử

Đủ các mùi. Bền, rẻ

và các hàng tơ lụa, vải vóc, các thứ đồ sừng, mây, cói v. v.

Ta thường nói « phú quí » thì ra giầu vẫn hơn sang!
Mà thực!
Có tiền mua tiên cũng được mà!

Ai muốn bỗng chốc có bạc vạn như cái ông đã trúng số độc đắc vào kỳ mở số ngày hôm qua thì

Thử bỏ 1p. ra mua 1 vé

SỐ ĐÔNG PHÁP

Ai không tin thử mua xem

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bênh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p 50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được, mỗi ngày hut một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giây thép buộc ngang giời. Thuoc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ưng nghiệm, vì ai bị lậu không cư mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p 60 cũng rứt nọc, ai bi bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đau cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.

Imp spéciale du Tri Tân Administrateur-gérant: Dương-Tu-Quán